# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY

> Số: 69/2025/CV-A7 No: 69/2025/CV-A7

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025 Ho Chi Minh City, Aug 29, 2025

# CÔNG BÓ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: - State Securities Commission of Vietnam

- Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Alpha Seven thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

In accordance with the provisions of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance on information disclosure in the securities market, Alpha Seven Group Joint Stock Company discloses its financial statements Interim 2025 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Organization Name: ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK

COMPANY

- Mã chứng khoán: DL1

Stock code:

DL1

Địa chỉ: Lô I3- 6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn
 Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: Lot 13-6 N2 Street, High-Tech Park, Tan Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

Contact phone: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

- Email: info@a7group.vn

Website: http://www.a7group.vn

# Content of the Announcement: Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 The Financial statements Interim 2025 X BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc); Separate financial statements (for a public company without subsidiaries and a superior accounting unit with affiliated units); BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con); Consolidated financial statements (for a public company with subsidiaries); BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kề toán riêng). Combined financial statements (for a public company with affiliated accounting units that have an independent accounting system). - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân: Cases requiring an explanation of reasons: + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán): The auditing organization issues an opinion that is not an unqualified opinion on the financial statements (for reviewed/audited financial statements): Có/Yes Không/No Văn bản giải trình trong trường hợp tích có: Explanatory document in case of integration: Có/Yes Không/No + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024): The after-tax profit in the reporting period differs by 5% or more before and after the audit, or shifts from a loss to a profit or vice versa (for the audited financial statements of 2024): Không/No Có/Yes

2. Nội dung thông tin công bố:

| Văn bản giải trình trong trường hợp tích có: E   | )ính kèm v  | ăn bản.             |
|--|-------------|---------------------|
| Explanatory document in case of integration:   | Attached a  | documents.          |
| x Có/Yes   |             | Không/No            |
| + Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp t<br>của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo             |             |                     |
| The after-tax profit in the income statement of by 10% or more compared to the same period of the            |             |                     |
| x Có/Yes   |             | Không/No            |
| Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:   |             |                     |
| Explanatory document in case of integration:   | е           |                     |
| x Có/Yes   |             | Không/No            |
| + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ,<br>kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:                | , chuyển tù | lãi ở báo cáo cùng  |
| The after-tax profit in the reporting period profit in the same period of the previous year to a vice versa: |             |                     |
| Có/Yes   | X           | Không/No            |
| Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:   |             |                     |
| Explanatory document in case of integration:   |             |                     |
| Có/Yes   | X           | Không/No            |
| Thông tin này đã được công bố trên trang vào ngày 29/08/2025 tại đường dẫn:                                  | thông tin đ | điện tử của Công ty |
| This information was published on the Comat the following link:  | pany's wel  | bsite on 29/08/2025 |
| ⇒ https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-  | -cao-tai-ch | inh.html            |

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo bán niên năm 2025.

Report on transactions with a value equal to or exceeding 35% of the total assets during the Interim 2025 reporting period.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau: Không có.

In cases where the public company has transactions, it is required to fully report the following details: None.

- Nội dung giao dịch:

Transaction content:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

The transaction value ratio to the company's total assets (%) (based on the most recent financial statements).;

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Transaction completion date:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

We hereby confirm that the information provided above is accurate and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.

#### Tài liệu đính kèm:

#### <u> Attached Document:</u>

- Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2025; Báo cáo tài chính Công ty mẹ bán niên năm 2025; Giải trình chênh lệch 10% LNST bán niên năm 2025
- Consolidated financial statements for Interim 2025; Parent company financial statements for Interim 2025; Explanation of a 10% difference in after-tax profit for Interim 2025.

## Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

Organization Representative

Legal Representative

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Sign, full name, position, seal)

Nguyễn Đình Trạc

# SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence – Freedom – Happiness

No. 70/2025/CV-A7

HCMC, August 29, 2025

"Re: Explanation regarding the reviewed financial statements for the first half of 2025"

# To: The State Securities Commission Hanoi Stock Exchange

- Based on the separate and consolidated financial statements for the first half of 2025 of Alpha Seven Group Joint Stock Company, which were reviewed by Chuan Viet Auditing and Consulting Co., Ltd. and disclosed publicly;

Alpha Seven Group Joint Stock Company hereby provides explanations regarding the discrepancies in the reviewed separate and consolidated financial statements for the first half of 2025 as follows:

- I. Explanation of discrepancies in business results: Profit after Corporate Income Tax (CIT) in the financial statements for the first half of 2025 with a difference of 5% or more before and after review:
  - I. In the separate income statement

| Item             | Separate FS for H1<br>2025 (Reviewed) | Separate FS for<br>H1 2025 (Before<br>review) | Difference     |
|------------------|---------------------------------------|---|----------------|
| Profit after CIT | 48.345.020.909                        | 35.543.806.929                                | 12.801.213.980 |

Profit after CIT for the first half of 2025 increased by VND 12.801 billion (equivalent to 36.02%) after review, due to:

- Financial income decreased by VND 5.179 billion (8.21%) after review;
- Financial expenses decreased by VND 17.981 billion after review due to provisions for impairment of financial investments in subsidiaries.
- From these reasons, total profit before and after CIT increased by VND 12.801 billion.

#### 2. In the consolidated income statement

| Item             | Consolidated FS for<br>H1 2025 (Reviewed) | Consolidated FS<br>for H1 2025<br>(Before review) | Difference     |  |
|------------------|---|---|----------------|--|
| Profit after CIT | 30.826.404.234                            | 40.248.655.035                                    | (9.422.250.801 |  |

Profit after CIT for the first half of 2025 decreased by VND 9.422 billion (23.41%) after review, mainly due to.

- Cost of goods sold increased by 4.89%, reducing gross profit;
- Financial income decreased by 63.35% after review due to recognition of subsidiary financial activities.
- Share of profit/loss in associates decreased by VND 1.488 billion due to lower profit after tax at associates
  - Selling expenses increased by VND 994 million from subsidiaries;
  - Administrative expenses decreased after reversal of provision for doubtful debts;
  - Other income increased after reclassification from financial income of subsidiaries.
- CIT expenses increased due to reversal of subsidiary tax and higher deferred CIT expenses from elimination of provisions for financial investments in subsidiaries.
  - From these reasons, total profit after CIT decreased by VND 9.422 billion.
    - II. Explanation of discrepancies in profit after CIT in the financial statements for the first half of 2025 compared with the reviewed financial statements for the same period of 2024 change of 10% or more:

## 1. In the separate income statement:

| Item             | Separate FS for H1<br>2025 (Reviewed) | Separate FS for<br>H1 2024<br>(Reviewed) | Difference     |  |
|------------------|---------------------------------------|--|----------------|--|
| Profit after CIT | 48.345.020.909                        | 5.527.539.488                            | 42.817.481.421 |  |

Profit after CIT for the first half of 2025 increased by VND 42.817 billion compared to the same period of 2024, mainly due to:

- Sales and service revenue increased by 15.29%, while cost of goods sold decreased, leading to an increase in gross profit of VND 1.829 billion;
- Financial income increased by VND 53.796 billion, mainly from profit sharing from subsidiaries and associates;
- Financial expenses increased by VND 13.378 billion due to provision for impairment of investments in subsidiaries;
  - Administrative expenses increased by VND 263 million (14.51%);
  - Other expenses increased by VND 19 million;

From these reasons, profit before tax increased by VND 42.491 billion, CIT decreased by VND 326 million, leading to profit after CIT increasing by VND 42.817 billion compared to H1 2024.

#### 2. In the consolidated income statement

| Item             | Item Consolidated FS for H1 2025 (Reviewed) |                | Difference       |  |
|------------------|---|----------------|------------------|--|
| Profit after CIT | 30.826.404.234                              | 57.964.412.573 | (27.138.008.339) |  |

Profit after CIT for the first half of 2025 decreased by VND 27.138 billion compared to the same period of 2024, mainly due to:

Sales and service revenue increased by VND 283 billion, including: electronic components (+69.66%), Mass Noble household appliances in Hong Kong (+VND 157 billion), solar power and parking services; however, sales deductions (returns) at subsidiaries increased compared to H1 2024. Cost of goods sold increased, leading to a gross profit increase of VND 14.235 billion (16.15%);

- Financial income increased by VND 3.503 billion (61.58%)
- Financial expenses decreased by VND 6.242 billion due to reduced borrowings and interest costs;
- Share of profit in associates increased by VND 4.566 billion due to higher service revenue compared with H1 2024;

Selling and administrative expenses increased in line with revenue;

Other income increased by VND 37 million;

TY

EV

However, profit before tax at subsidiaries decreased, CIT expenses increased as subsidiaries recorded higher CIT, and deferred tax liabilities rose due to elimination of provisions for financial investments in subsidiaries.

From these reasons, profit after CIT decreased by VND 27.138 billion compared with first 6 months of 2024.

This concludes the Company's explanations regarding certain matters in the reviewed separate and consolidated financial statements for the first half of 2025.

Respectfully!

#### Receipients:

- As above;
- Accoutant record.

ALPHA SEVEN GROUP

JOINT STOCK COMPANY

**General Director** 

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

VIETVALUES Audit and Consulting Co., Ltd

Member firm of JPA Internaltional

Head office: 33 Phan Van Khoe, ward 13, dictrict 5, HCMC
Tel: +84 (28) 3859 4168
Fax: +84 (28) 3859 2289
Email: contact@vietvalues.com
Website: www.vietvalues.com



# REVIEW REPORTS ON INTERIM (SEPARATE) FINANCIAL INFORMATION

FOR THE PERIOD FROM 01<sup>ST</sup> JANUARY TO 30<sup>TH</sup> JUNE 2025

ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY

# **CONTENTS**

| Contents  | Page    |
|---|---------|
| 1. Report of the Board of Directors   | 02 – 06 |
| 2. Review Reports on interim (separate) financial information   | 07 – 08 |
| 3. Interim (separate) Balance Sheet as at 30th June 2025  | 09 – 10 |
| 4. Interim (separate) Income Statement for the six-month period ended 30 <sup>th</sup> June 2025                  | 11      |
| 5. Interim (separate) Cash Flows Statement<br>for the six-month period ended 30 <sup>th</sup> June 2025           | 12      |
| 6. Notes to the interim (separate) Financial Statements for the six-month period ended 30 <sup>th</sup> June 2025 | 13 – 38 |

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Report of the Board of Directors

For the six-month period ended 30th June 2025

#### REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors of Alpha Seven Group Joint Stock Company presents this report together with the reviewed interim (separate) financial statements of the Company for the fiscal year ended 30<sup>th</sup> June 2025.

#### 1. General information of the Company

Alpha Seven Group Joint Stock Company (former name is Vietnam Renewable Energy Group Joint Stock Company, hereafter, referred to as "the Company") is a joint stock company, is set up in accordance with the initial Business Registration Certificate No. 5900437257 dated 21st December 2007 granted by the Department of Planning and Investment of Gia Lai province. The Company officially changed its name to Alpha Seven Group Joint Stock Company in accordance with the 19th amendment of Business Registration Certificate dated 20th July 2021 granted by the Department of Planning and Investment of Gia Lai province; and the 21st amendment of registration dated 08th March 2022 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh city.

Charter capital

: VND 1,062,360,940,000.

Actual contributed capital as of 30th June 2025

: VND 1,062,360,940,000.

The Company is listed on the Hanoi Stock Exchange (HNX) with the DL1 stock code.

#### 2. Registered office

#### 2.1 Head office

Address

: Lot I3-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Tel.

: +84 (28) 3736 7187

Fax

: +84 (28) 3736 7187

Tax code

:5900437257

#### 2.2 The subordinate branches have independent accounting

#### Branch name

#### Address

Gia Lai Bus Station - Branch of Alpha Seven

43 Ly Nam De street, Tra Ba ward, Gia Lai

Group Joint Stock Company

province

# 2.3 Information about subsidiaries and joint ventures, associates

Information about subsidiaries as at 30th June 2025:

|     |                                       |  |   | Ratio                                    |                             | The second second second                 | ortion of<br>erest   |  | ortion of g rights          |
|-----|---------------------------------------|--|---|--|-----------------------------|--|--|--|-----------------------------|
| No. | Name of company                       | Head office  | Main business activities  | Ending<br>balance<br>of<br>period<br>(%) | Beginning<br>balance<br>(%) | Ending<br>balance<br>of<br>period<br>(%) | The second secon | Ending<br>balance<br>of<br>period<br>(%) | Beginning<br>balance<br>(%) |
| 1.  | DLG Ansen<br>Electronics<br>Co., Ltd. | Lot I3-6, Road<br>N2, Saigon Hi-<br>Tech Park,<br>Tang Nhon<br>Phu A ward,<br>Thu Duc city,<br>Ho Chi Minh<br>city | - Manufacture of consumer electronic products; - Manufacture of measuring, testing and navigating equipments; - Manufacture of electronic components. | 100                                      | 100                         | 100                                      | 100  | 100                                      | 100                         |

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city. Report of the Board of Directors (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

|     | Nome of  |  |  |  | of capital ribution         |  | ortion of<br>erest          | Proportion of voting rights              |                             |
|-----|--|--|--|--|-----------------------------|--|-----------------------------|--|-----------------------------|
| No. | Name of company  | Head office  | Main business activities   | Ending<br>balance<br>of<br>period<br>(%) | Beginning<br>balance<br>(%) | Ending<br>balance<br>of<br>period<br>(%) | Beginning<br>balance<br>(%) | Ending<br>balance<br>of<br>period<br>(%) | Beginning<br>balance<br>(%) |
| 2.  | DLG Ninh<br>Thuan Solar<br>Power JSC (*)                               | Quan The 1<br>village, Phuoc<br>Minh<br>commune,<br>Thuan Nam<br>district, Ninh<br>Thuan<br>province | Investment in construction of solar - wind power projects; Production of electric power transmission; Quarrying of stone, clay; construction of railway, road works; Installation of industrial machinery, electrical systems. | 50                                       | 50                          | 50                                       | 50                          | 50                                       | 50                          |
| 3.  | Mass Noble<br>Investments<br>Limited                                   | PO Box 957,<br>Foreign<br>Business<br>Center, Road<br>Town, Tortola,<br>British Virgin<br>Islands    | Design, manufacture and sale of SD memory cards, household convenience items, personal care, energy saving and home security products.   | 97.73                                    | 97.73                       | 97.73                                    | 97.73                       | 97.73                                    | 97.73                       |
| 4.  | Ansen<br>Investment<br>Holdings<br>Limited<br>(indirect<br>subsidiary) | The British<br>Virgin Islands  | Investment   | 0  | 0                           | 97.73                                    | 97.73                       | 100                                      | 100                         |
| 5.  | Shine Profit Development Limited (indirect subsidiary)(**)             | Hong Kong  | Design, manufacture and<br>sale of personal care,<br>energy saving and home<br>security products   | 0  | 0                           | 97.73                                    | 97.73                       | 100                                      | 100                         |
| 6.  | Greatrich<br>Industrial<br>Limited<br>(indirect<br>subsidiary)         | Hong Kong  | Production and sales of components for personal care, energy saving and home security products, investment.  | 0  | 0                           | 97.73                                    | 97.73                       | 100                                      | 100                         |
| 7.  | Profit Metal<br>Limited<br>(indirect<br>subsidiary)                    | Hong Kong  | Production and sales of components for personal care, energy saving and home security products.  | 0  | 0                           | 97.73                                    | 97.73                       | 100                                      | 100                         |
| 8.  | 東莞橋頭益<br>發燈具有限<br>公司<br>(indirect<br>subsidiary)                       | China  | Production and sales of components for personal care, energy saving and home security products, investment.  | 0  | 0                           | 97.73                                    | 97.73                       | 100                                      | 100                         |

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Report of the Board of Directors (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

|     |  |             | Ratio of capital contribution   |  | Proportion of interest      |  | Proportion of voting rights |  |                             |
|-----|--|-------------|---|--|-----------------------------|--|-----------------------------|--|-----------------------------|
| No. | Name of company  | Head office | Main business activities  | Ending<br>balance<br>of<br>period<br>(%) | Beginning<br>balance<br>(%) | Ending<br>balance<br>of<br>period<br>(%) | Beginning<br>balance<br>(%) | Ending<br>balance<br>of<br>period<br>(%) | Beginning<br>balance<br>(%) |
| 9.  | 東莞利材塑<br>膠製品有限<br>公司<br>(indirect<br>subsidiary)<br>(**) | China       | Production and sales of packaged products   | 0  | 0                           | 97.73                                    | 97.73                       | 100                                      | 100                         |
| 10. | 東莞安迅電<br>子有限公司<br>(indirect<br>subsidiary)<br>(**)       | China       | Production and sales of components for personal care, energy saving and home security products, investment. | 0  | 0                           | 97.73                                    | 97.73                       | 100                                      | 100                         |

<sup>(\*)</sup> Mr. Nguyen Dinh Trac is the Chairman of DLG Ninh Thuan Solar Power JSC (appointed on 02<sup>nd</sup> January 2022) and also the General Director of the Company.

#### Information about joint ventures, associates as at 30th June 2025:

|     |   |   |                                       |                                   | 100000000000000000000000000000000000000 | of capital                        |                      | rtion of<br>erest                 |                      | ortion of<br>g rights |
|-----|---|---|---------------------------------------|-----------------------------------|---|-----------------------------------|----------------------|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| No. | Name of company                           | Head office   | Main business<br>activities           | Ending<br>balance<br>of<br>period | Beginning balance                       | Ending<br>balance<br>of<br>period | Beginning<br>balance | Ending<br>balance<br>of<br>period | Beginning<br>balance |                       |
| 2.  | Duc Long<br>Dak Nong<br>BOT and BT<br>JSC | No. 04 Dien Bien<br>Phu street, Gia<br>Nghia city, Dak<br>Nong province | Investment construction traffic works | and<br>of                         | 29.0%                                   | 29.0%                             | 29.0%                | 29.0%                             | 29.0%                | 29.0%                 |

#### 3. Business activities

- Freight transport by road;
- Other passenger road transport. Details: Fixed-route passenger transportation;
- Other transportation support activities;
- Urban-suburban road passenger transportation (excluding bus transportation). Details: Passenger transportation under the contract;
- Warehousing and storage of goods;
- Trading in real estate, land use rights belonging to owners, users or renters. Details: Real estate business; Trade-related infrastructure and services in industrial parks and urban areas; Office, factory, house for rent;
- Power production: Details: wind and solar power production ...;
- Direct support activities for road transportation. Details: Investment and construction of yards in cities and provinces across the country; Bus station services, parking;
- Innercity bus passenger transportation;
- Urban-suburban, intercity bus passenger transportation.

<sup>(\*\*)</sup> These are second-Tier subsidiaries indirectly through Mass Noble Investments Limited.

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Report of the Board of Directors (cont.)
For the six-month period ended 30th June 2025

# 4. The Board of Management, the Supervisory Board, the Board of Directors and Chief Accountant

#### 4.1 The Board of Management

The Board of Management of the Company during period and as of the date of this report include:

| Full name            | Position      | Appointed/<br>Reappointed date | Dismissed date |
|----------------------|---------------|--------------------------------|----------------|
| Mr. Nguyen Van Quy   | Chairman      | 25 <sup>th</sup> June 2023     | -              |
| Mr. Nguyen Dinh Trac | Vice Chairman | 25th June 2023                 |                |
| Mr. Nguyen Tan Tien  | Member        | 25th June 2023                 |                |
| Mr. Bui Minh Duc     | Member        | 25th June 2023                 |                |
| Mr. Phan Duc Hieu    | Member        | 25th June 2023                 |                |

#### 4.2 The Supervisory Board

The Supervisory Board of the Company during period and as of the date of this report include:

| Full name            | Position      | Appointed/<br>Reappointed date | Dismissed date |
|----------------------|---------------|--------------------------------|----------------|
| Ms Pham Thi Giang    | Head of board | 25th June 2023                 | -              |
| Ms Tran Thi Vu Thuan | Member        | 25th June 2023                 |                |
| Ms Ho Thi Thu Trang  | Member        | 25th June 2023                 |                |

#### 4.3 The Board of Directors and Chief Accountant

The Board of Directors and Chief Accountant during year and as of the Company as of the date of this report include:

| Full name             | ull name Position |                            | Dismissed date |  |
|-----------------------|-------------------|----------------------------|----------------|--|
| Mr. Nguyen Dinh Trac  | General Director  | 30 <sup>th</sup> June 2021 |                |  |
| Mr. Chu Sy Hoat       | Deputy Director   | 06th May 2016              | -              |  |
| Mr. Pham Tien Dung    | Deputy Director   | 14th May 2010              |                |  |
| Ms Ha Thi Phuong Oanh | Chief Accountant  | 21st December 2007         | -              |  |

#### 5. Legal representative

Legal representative of the Company during year and as of the date of this interim (separate) report is Mr. Nguyen Dinh Trac – General Director.

#### 6. Business results

The interim (separate) financial position and the interim (separate) business results for the six-month period ended 30<sup>th</sup> June 2025 of the Company are expressed in the interim (separate) financial statements attached to this report from page 09 to page 38.

#### 7. Subsequent events

- On 07th August 2025, the Board of Management of the Company issued the Resolution No. 11/2025/NQ-HDQT on approving the implementation of the Plan for the issuance of shares to pay dividends and the Plan to offer additional shares to the public through the method of issuing share purchase rights to existing shareholders.
- On 07<sup>th</sup> August 2025, the Board of Management of the Company issued the Resolution No. 10/2025/NQ-HDQT on approving the transfer of shares at Duc Long Dak Nong BOT and BT Joint Stock Company.



Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Report of the Board of Directors (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

On 05<sup>th</sup> August 2025, the Board of Management of the Company issued the Resolution No. 09/2025/NQ-HDQT on approving the capital contribution to establish Tay Nguyen Green Energy Joint Stock Company, with contributed capital of VND 90,000,000,000 accounting for 90% of the charter capital of Tay Nguyen Green Energy Joint Stock Company. Tay Nguyen Green Energy Joint Stock Company was granted Business Registration Certificate No. 0319119899 dated 21<sup>st</sup> August 2025 by the Department of Finance of Ho Chi Minh city with the charter capital of VND 100,000,000,000.

#### 8. Auditors

**VIETVALUES** Audit and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the review on the Company's interim (separate) Financial Statements for the six-month period ended 30<sup>th</sup> June 2025.

#### 9. Responsibility of the Board of Directors

The Board of Directors of the Company is responsible for the preparation of the interim (separate) financial statements to give a true and fair view on the interim (separate) financial position, the interim (separate) business results and the interim (separate) cash flows of the Company for the six-month period ended 30<sup>th</sup> June 2025. In order to prepare these interim (separate) financial statements, the Board of Directors must:

- Select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- Make judgments and estimates reasonably and prudently;
- Announce the accounting standards to be followed for the material issues to be disclosed and explained in the interim (separate) financial statements;
- Prepare the interim (separate) financial statements of the Company on the basis of the going-concern assumption except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate;
- Design and implementation of internal control systems effectively for the purpose of preparing and presenting the interim (separate) financial statements reasonably in order to minimize risk and fraud.

The Board of Directors ensure that all the relevant accounting books have been fully recorded and can fairly reflect the interim (separate) financial position of the Company at any time, and that all accounting books have been prepared in compliance with the adopted accounting regime. The Board of Directors of the Company is also responsible for protecting the Company's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and legal regulations related to the preparation and fair presentation of the interim (separate) financial statements.

The Board of Directors hereby ensure to comply with all the requirements above in the preparation of the interim (separate) financial statements.

#### 10. Approving the interim (separate) financial statements

The Board of Directors confirms that all the accompanying interim (separate) financial statements. The interim (separate) financial statements have been properly prepared and have given a true and fair view on the financial position as at 30<sup>th</sup> June 2025, the business results and the cash flows for the six-month period then ended of the Company, in compliance with the accounting standards, Vietnamese enterprises' accounting regime as well as legal regulations related to the preparation and fair presentation of the interim (separate) financial statements.

or and on behalf of the Board of Directors

CÔ PHẨN TẬP ĐOÀN

Mr. NGUYEN DINH TRAC

**General Director** 

Ho Chi Minh city, 29th August 2025

Công ty thành viên của JPA International

 Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

 Tel : +84 (28) 3859 4168
 Fax : +84 (28) 3859 2289

 Email : contact@vietvalues.com
 Website : www.vietvalues.com



No.: 2478/25/BCKT/AUD-VVALUES

# REVIEW REPORTS ON INTERIM (SEPARATE) FINANCIAL INFORMATION

## To: SHAREHOLDERS, THE BOARD OF MANAGEMENT AND THE BOARD OF DIRECTORS ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY

We have reviewed the accompanying interim (separate) financial statements of Alpha Seven Group Joint Stock Company (hereafter referred to as "the Company") prepared on 29<sup>th</sup> August 2025 (from page 09 to page 38) which comprise the interim (separate) Balance Sheet as at 30<sup>th</sup> June 2025, the interim (separate) Income Statement, the interim (separate) Cash Flows Statement and the Notes to the interim (separate) Financial Statements for the six-month period then ended.

#### The Board of Directors' responsibility

The Board of Directors of the Company is responsible for the preparation and fair presentation of these interim (separate) financial statements in accordance with the accounting standards, Vietnamese enterprises' accounting regime as well as other related regulations and for such internal control as the Board of Directors determines is necessary to enable the preparation and presentation of interim (separate) financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

#### Auditor's responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on this interim financial information based on our review. We conducted our review in accordance with the Vietnamese Standards on Review Engagements 2410 – Review of interim financial information performed by the independent auditor of the entity.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with the Vietnamese Standards and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.

# CÔ CHN TOÀ

#### Auditor's conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying interim (separate) financial information does not give a true and fair view, in all material respects, of the interim (separate) financial position of Alpha Seven Group Joint Stock Company as at 30<sup>th</sup> June 2025, the interim (separate) business results and the interim (separate) cash flows of the Company for the six-month period then ended in conformity with the accounting standards, the prevailing Vietnamese enterprises' accounting regime as well as legal regulations related to the preparation and presentation of the interim (separate) financial statements.

#### Other matter

We draw attention to: the scope of these interim (separate) financial statements is only to give the interim (separate) financial position and investments at historical cost method of the Company as at 30<sup>th</sup> June 2025 as well as the interim (separate) business results and the interim (separate) cash flows for the six-month period then ended. This is not the consolidated financial statements of the Company and subsidiaries.

Ho Chi Minh city, 29th August 2025.

VIETVALUES Audit and Consulting Co., Ltd.



Tran Van Hiep - Deputy General Director

Certificate of registration for practicing audit No. 2141-2023-071-1 Authorized signature

#### File:

- As above.
- · VIETVALUES.

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

INTERIM (SEPARATE) BALANCE SHEET

As at 30th June 2025

## INTERIM (SEPARATE) BALANCE SHEET

As at 30th June 2025

|      | _    |   |       |                          | Currency: VNL     |
|------|------|---|-------|--------------------------|-------------------|
| Code |      | ASSETS  | Notes | Ending balance of period | Beginning balance |
| 1    |      | 2   | 3     | 4                        | 5                 |
| 100  | A.   | CURRENT ASSETS AND SHORT-TERM INVESTMENTS       |       | 463,812,995,703          | 472,213,219,537   |
| 110  | I.   | Cash and cash equivalents                       | V.1   | 1,231,562,748            | 1,456,031,408     |
| 111  | 1.   | Cash  |       | 1,231,562,748            | 1,456,031,408     |
| 120  | II.  | Short-term financial investments                |       | 130,000,000,000          | 151,020,000,000   |
| 121  | 1.   | Trading securities                              | V.2   | -                        | 55,200,000,000    |
| 122  | 2.   | Provision for devaluation of trading securities |       | -                        | (4,180,000,000    |
| 123  | 3.   | Held-to-maturity investment                     | V.3   | 130,000,000,000          | 100,000,000,000   |
| 130  | III. | Accounts receivable                             |       | 331,600,013,638          | 319,039,666,238   |
| 131  | 1.   | Short-term trade receivables                    | V.4   | 137,148,008,390          | 211,634,114,963   |
| 132  | 2.   | Short-term advance payments to suppliers        | V.5   | 44,717,475,639           | 2,970,300,000     |
| 135  | 3.   | Short-term loan receivables                     | V.6   | 96,879,493,346           | 77,208,383,344    |
| 136  | 4.   | Other short-term receivables                    | V.7a  | 53,527,736,263           | 27,899,567,931    |
| 137  | 5.   | Provisions for doubtful receivables             | V.4   | (672,700,000)            | (672,700,000      |
| 140  | IV.  | Inventories                                     | V.8   | 645,203,559              | 645,203,559       |
| 141  | 1.   | Inventories                                     |       | 645,203,559              | 645,203,559       |
| 150  | V.   | Other current assets                            |       | 336,215,758              | 52,318,332        |
| 151  | 1.   | Short-term prepaid expenses                     | V.9a  | 336,215,758              | 52,318,332        |
| 200  | B.   | FIXED ASSETS AND LONG-TERM INVESTMENTS          |       | 833,184,729,085          | 851,395,285,989   |
| 210  | I.   | Long-term receivables                           |       | 2,064,375,501            | 2,064,375,501     |
| 216  | 1.   | Other long-term receivables                     | V.7b  | 2,064,375,501            | 2,064,375,501     |
| 220  | II.  | Fixed assets                                    |       | 80,276,012,395           | 81,704,583,187    |
| 221  | 1.   | Tangible fixed assets                           | V.10  | 20,173,459,432           | 21,582,340,702    |
| 222  |      | - Historical cost                               |       | 48,208,652,228           | 48,208,652,228    |
| 223  |      | - Accumulated depreciation                      |       | (28,035,192,796)         | (26,626,311,526   |
| 227  | 2.   | Intangible fixed assets                         | V.11  | 60,102,552,963           | 60,122,242,485    |
| 228  |      | - Historical cost                               |       | 60,441,795,000           | 60,441,795,000    |
| 229  |      | - Accumulated amortization                      |       | (339,242,037)            | (319,552,515      |
| 230  | III. | Investment Properties                           | V.12  | -                        | -                 |
| 231  |      | - Historical cost                               |       | 1,891,892,974            | 1,891,892,974     |
| 232  |      | - Accumulated depreciation                      |       | (1,891,892,974)          | (1,891,892,974)   |
| 240  | IV.  | Non-current unfinished assets                   |       | 49,083,637,960           | 48,843,637,960    |
| 242  |      | Construction-in-progress                        | V.13  | 49,083,637,960           | 48,843,637,960    |
| 250  |      | Long-term financial investments                 | V.14  | 701,008,892,664          | 718,403,843,208   |
| 251  |      | Investment in subsidiaries                      |       | 537,000,000,000          | 537,000,000,000   |
| 252  |      | Investment in associates and joint ventures     |       | 201,187,500,000          | 201,187,500,000   |
| 254  |      | Provision for long-term financial investments   |       | (37,178,607,336)         | (19,783,656,792   |
| 260  |      | Other non-current assets                        |       | 751,810,565              | 378,846,133       |
| 261  |      | Long-term prepaid expenses                      | V.9b  | 751,810,565              | 378,846,133       |
| 270  |      | TOTAL ASSETS                                    |       | 1,296,997,724,788        | 1,323,608,505,526 |

G TY

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

INTERIM (SEPARATE) BALANCE SHEET

As at 30th June 2025

| Code |     | RESOURCES                                      | . Notes | Ending balance<br>of period | Beginning balance |
|------|-----|--|---------|-----------------------------|-------------------|
| 1    |     | 2  | 3       | 4                           | 5                 |
| 300  | C.  | LIABILITIES                                    |         | 60,790,107,097              | 135,745,908,744   |
| 310  | I.  | Current liabilities                            |         | 60,790,107,097              | 135,745,908,744   |
| 311  | 1.  | Short-term trade payables                      | V.15    | 12,462,074,114              | 12,485,574,114    |
| 312  | 2.  | Short-term advance payments from customers     |         | -                           | 23,909,089        |
| 313  | 3.  | Taxes and statutory obligations                | V.16    | 3,726,009,734               | 3,517,473,786     |
| 314  | 4.  | Payables to employees                          |         | 587,905,945                 | 515,804,659       |
| 315  | 5.  | Short-term accruals                            | V.17    | 345,477,781                 | 2,885,457,990     |
| 319  | 6.  | Other short-term payables                      | V.18    | 307,320,456                 | 315,530,992       |
| 320  | 7.  | Short-term finance lease loans and liabilities | V.19    | 42,747,659,000              | 115,388,498,047   |
| 322  | 8.  | Bonus and welfare funds                        |         | 613,660,067                 | 613,660,067       |
| 330  | II. | Non-current liabilities                        |         | -                           | •                 |
| 337  | 1.  | Other long-term payables                       |         |                             |                   |
| 400  | D.  | OWNERS' EQUITY                                 |         | 1,236,207,617,691           | 1,187,862,596,782 |
| 410  | I.  | Capital of the owners                          | V.20    | 1,236,207,617,691           | 1,187,862,596,782 |
| 411  | 1.  | Owners' invested equity                        |         | 1,062,360,940,000           | 1,062,360,940,000 |
| 411a |     | - Common stocks with voting rights             |         | 1,062,360,940,000           | 1,062,360,940,000 |
| 412  | 2.  | Surplus of share capital                       |         | 1,049,485,820               | 1,049,485,820     |
| 418  | 3.  | Development and investment funds               |         | 663,498,805                 | 663,498,805       |
| 421  | 4.  | Undistributed earnings after tax               |         | 172,133,693,066             | 123,788,672,157   |
|      |     | - Accumulated undistributed earnings after tax |         |                             |                   |
| 421a |     | to the end of previous year                    |         | 123,788,672,157             | 100,182,443,890   |
|      |     | - Accumulated undistributed earnings after tax |         |                             |                   |
| 421b |     | in current year                                |         | 48,345,020,909              | 23,606,228,267    |
| 430  | II. | Other capital, funds                           |         | -                           | -                 |
| 440  |     | TOTAL RESOURCES                                |         | 1,296,997,724,788           | 1,323,608,505,526 |

Ho Chi Minh city, 29th August 2025.

Prepared by / Chief Accountant

HA THI PHUONG OANH

CÔNG TO CÔNG THẨU ĐỊCH TRAC

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

INTERIM (SEPARATE) INCOME STATEMENT For the six-month period ended 30th June 2025

#### INTERIM (SEPARATE) INCOME STATEMENT

For the six-month period ended 30th June 2025

Currency: VND

| Code |     | ITEMS   | Notes | Current period | Previous period |
|------|-----|---|-------|----------------|-----------------|
| 1    |     | 2   | 3     | 4              | 5               |
| 01   | 1.  | Revenues from sale of goods and rendering of services     | VI.1  | 11,261,061,049 | 9,767,634,847   |
| 02   | 2.  | Revenue deductions  |       |                | -               |
| 10   | 3.  | Net revenues from sale of goods and rendering of services |       | 11,261,061,049 | 9,767,634,847   |
| 11   | 4.  | Cost of goods sold  | VI.2  | 3,260,387,315  | 3,596,661,751   |
| 20   | 5.  | Gross profit from sale of goods and rendering of services |       | 8,000,673,734  | 6,170,973,096   |
| 21   | 6.  | Income from financial activities                          | VI.3  | 57,875,864,825 | 4,079,728,967   |
| 22   | 7.  | Expenses from financial activities                        | VI.4  | 14,671,790,815 | 1,293,037,616   |
| 23   |     | - In which: Interest expenses                             |       | 1,456,840,271  | 1,293,037,616   |
| 25   | 8.  | Selling expenses  | VI.5  | 279,707,183    | 280,141,060     |
| 26   | 9.  | General & administration expenses                         | VI.6  | 1,554,797,477  | 1,818,661,343   |
| 30   | 10. | Net profit/(loss) from operating activities               |       | 49,370,243,084 | 6,858,862,044   |
| 31   | 11. | Other income  |       |                | -               |
| 32   | 12. | Other expenses  |       | 53,692,919     | 33,719,508      |
| 40   | 13. | Other profit  |       | (53,692,919)   | (33,719,508)    |
| 50   | 14. | Total pre-tax accounting profit                           |       | 49,316,550,165 | 6,825,142,536   |
| 51   | 15. | Current Corporate Income tax expenses                     | V.16  | 971,529,256    | 1,297,603,048   |
| 52   | 16. | Deferred Corporate Income tax expenses                    |       | -              |                 |
| 60   | 17. | Profit/(loss) after corporate income tax                  |       | 48,345,020,909 | 5,527,539,488   |
| 70   |     | Gains on stock  | VI.7  |                |                 |
| 71   | 19. | Diluted gains on stock                                    | VI.7  |                |                 |

Prepared by / Chief Accountant

HA THI PHUONG OANH

Sing TV General Director

GUYEN DINH TRAC

#### INTERIM (SEPARATE) CASH FLOW STATEMENT

(As per Indirect Method)

For the six-month period ended 30th June 2025

Currency: VND

| Code | Items   | Notes    | Current period    | Previous period  |
|------|---|----------|-------------------|------------------|
| 1    | 2   | 3        | 4                 | 5                |
|      | I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES   |          |                   |                  |
| 01   | 1. Net profit/(loss) before tax   | V.16     | 49,316,550,165    | 6,825,142,536    |
|      | 2. Adjustments for:   |          | (42,775,503,218)  | (1,332,568,659   |
| 02   | - Depreciation and amortisation   | V.10; 11 | 1,428,570,792     | 1,454,122,692    |
| 03   | - Provisions  |          | 13,214,950,544    |                  |
| 04   | <ul> <li>(Gains)/Losses of exchange rate differences due to the revaluation<br/>of the ending balances in foreign currencies</li> </ul> |          | •                 |                  |
| 05   | - (Profit)/ loss from investing activity  | VI.3     | (58,875,864,825)  | (4,079,728,967   |
| 06   | - Interest expense  | VI.4     | 1,456,840,271     | 1,293,037,616    |
| 07   | - Other adjustments   |          |                   | -                |
| 08   | 3. Operating income/(loss) before changes in working capital  |          | 6,541,046,947     | 5,492,573,877    |
| 09   | - (Increase)/decrease in receivables  |          | 37,497,120,723    | 169,725,248,180  |
| 10   | - (Increase)/decrease in inventory  |          | •                 | -                |
| 11   | <ul> <li>Increase/(decrease) in payables (excluding interest payable,</li> <li>CIT payables)</li> </ul>                                 |          | 12,722,776,492    | 100,291,932,228  |
| 12   | - Increase/(decrease) in prepaid expenses   |          | (656,861,858)     | 196,076,281      |
| 13   | - Increase/(decrease) in trading securities   |          | 55,200,000,000    |                  |
| 14   | - Interest paid   |          | (17,266,108,619)  | -                |
| 15   | - Corporate income tax (CIT) paid   | V.16     | (200,000,000)     | (37,139,680      |
| 16   | - Other cash inflows from operating activities  |          |                   | -                |
| 17   | - Other cash outflows from operating activities   |          |                   |                  |
| 20   | Net cash inflows/(outflows) from operating activities II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES  |          | 93,837,973,685    | 275,668,690,886  |
| 21   | Purchase of fixed assets and other long-term assets   | V.13     | (240,000,000)     |                  |
| 22   | 2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets   |          |                   |                  |
|      | 3. Loans to other entities and payments for purchase of debt instruments of   |          | (40 (71 110 002)  | (226 402 000 000 |
| 23   | other entities  |          | (49,671,110,002)  | (336,492,090,000 |
|      | 4. Repayments from borrowers and proceeds from sales of debt instruments  |          |                   |                  |
| 24   | of other entities   |          |                   | 118,692,270,196  |
| 25   | 5. Payments for investments in other entities   |          | -                 |                  |
| 26   | 6. Proceeds from sales of investments in other entities   |          | •                 |                  |
| 27   | 7. Interest and dividends received  |          | 28,489,506,704    | 1,053,535,331    |
| 30   | Net cash inflows(outflows) from investing activities  |          | (21,421,603,298)  | (216,746,284,473 |
|      | III. CASH FLOW FROM FINANCING ACTIVITIES  |          |                   |                  |
| 31   | 1. Proceeds from issue of stocks, capital contribution of the owner   |          | -                 | •                |
| 32   | 2. Capital redemption of the owners, the acquisition of issued stocks   |          | -                 | •                |
| 33   | 3. Proceeds from borrowings   | V.19     | 80,384,659,000    | 50,000,000,000   |
| 34   | Repayments of borrowing principal   | V.19     | (153,025,498,047) | (88,550,000,000  |
| 35   | 5. Repayments of finance lease principal  |          | -                 |                  |
| 36   | 6. Dividends, gains paid to the owner   |          | -                 |                  |
| 40   | Net cash inflows/(outflows) from financing activities   |          | (72,640,839,047)  | (38,550,000,000  |
| 50   | Net cash inflows/(outflows) in year (20+30+40)  |          | (224,468,660)     | 20,372,406,413   |
| 60   | Cash and cash equivalents at the beginning of the year  | V.1      | 1,456,031,408     | 1,258,406,634    |
| 61   | Impact of exchange rate fluctuation   |          | -                 | -                |
| 70   | Cash and cash equivalents at the end of the year  | V.1      | 1,231,562,748     | 21,630,813,047   |

Prepared by / Chief Accountant

HA THI PHUONG OANH

CÔNG )Y

CÔ PHÂN TẠP ĐƠNG THE THIN TẠP ĐƠNG THE THIN TẬP ĐƠNG THE THIN TẬP ĐƠNG THE THIN THE T

EN DINH TRAC

#### NOTES TO THE INTERIM (SEPARATE) FINANCIAL STATEMENTS For the six-month period ended 30th June 2025

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the interim (separate) Financial Statements for the six-month period ended 30<sup>th</sup> June 2025 of Alpha Seven Group Joint Stock Company.

#### I. OPERATION FEATURES

#### 1. Forms of ownership

Alpha Seven Group Joint Stock Company (hereafter referred to as "the Company") is joint stock company.

#### 2. Lines of business

- Passenger transportation services;
- Bus station services, parking;
- Power production.

#### 3. Business activities

- Freight transport by road;
- Other passenger road transport. Details: Fixed-route passenger transportation;
- Other transportation support activities;
- Urban-suburban road passenger transportation (excluding bus transportation). Details: Passenger transportation under the contract;
- Warehousing and storage of goods;
- Trading in real estate, land use rights belonging to owners, users or renters. Details: Real estate business; Trade-related infrastructure and services in industrial parks and urban areas; Office, factory, house for rent;
- Power production: Details: wind and solar power production ...;
- Direct support activities for road transportation. Details: Investment and construction of yards in cities and provinces across the country; Bus station services, parking;
- Innercity bus passenger transportation;
- Urban-suburban, intercity bus passenger transportation.

#### 4. Normal operating cycle

The Company's normal operating cycle is within 12 months.

#### 5. The Company's operations in year affect the interim (separate) financial statements

#### 6. Company structures

The subordinate branches have independent accounting

#### Branch name Address

Gia Lai Bus Station – Branch of Alpha Seven Group Joint Stock Company 43 Ly Nam De street, Tra Ba ward, Gia Lai province.

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city. Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### Subsidiaries

|     | Substituties  |  | Ending balance of period      |                             |                        | Beginning balance             |                             |                        |
|-----|---|--|-------------------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| No. | Name of company   | Main business activities   | Ratio of capital contribution | Proportion of voting rights | Proportion of interest | Ratio of capital contribution | Proportion of voting rights | Proportion of interest |
| 1.  | DLG Ansen<br>Electronics<br>Co., Ltd.<br>(direct<br>subsidiary)         | Manufacture of consumer electronic products; Manufacture of measuring, testing and navigating equipments; Manufacture of electronic components.  | 100%                          | 100%                        | 100%                   | 100%                          | 100%                        | 100%                   |
| 2.  | DLG Ninh<br>Thuan Solar<br>Power JSC<br>(direct<br>subsidiary) (*)      | Investment in construction of solar - wind power projects; Production of electric power transmission; Quarrying of stone, clay; construction of railway, road works; Installation of industrial machinery, electrical systems. | 50.0%                         | 50.0%                       | 50.0%                  | 50.0%                         | 50.0%                       | 50.0%                  |
| 3.  | Mass Noble<br>Investments<br>Limited<br>(direct<br>subsidiary)          | Design, manufacture and sale of SD memory cards, household convenience items, personal care, energy saving and home security products.   | 97.73%                        | 97.73%                      | 97.73%                 | 97.73%                        | 97.73%                      | 97.73%                 |
| 4.  | Ansen Investment Holdings Limited (indirect subsidiary)(***)            | Investment   | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 |
| 5.  | Shine Profit<br>Development<br>Limited<br>(indirect<br>subsidiary) (**) | Design, manufacture and<br>sale of personal care,<br>energy saving and home<br>security products   | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 |
| 6.  | Greatrich<br>Industrial<br>Limited<br>(indirect<br>subsidiary) (**)     | Production and sales of components for personal care, energy saving and home security products, investment.  | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 |
| 7.  | Profit Metal<br>Limited<br>(indirect<br>subsidiary) (**)                | Production and sales of components for personal care, energy saving and home security products.  | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 |

IG T ÊMHÛ IVÀ T

N VI

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

|     |   |   | Ending                        | Ending balance of period    |                        |                               | Beginning balance           |                        |  |
|-----|---|---|-------------------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------------------|--|
| No. | Name of company                                   | Main business activities  | Ratio of capital contribution | Proportion of voting rights | Proportion of interest | Ratio of capital contribution | Proportion of voting rights | Proportion of interest |  |
| 8.  | 東莞橋頭益<br>發燈具有限<br>公司 (indirect<br>subsidiary)(**) | Production and sales of components for personal care, energy saving and home security products, investment. | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 |  |
| 9.  | 東莞利材塑<br>膠製品有限<br>公司 (indirect<br>subsidiary)(**) | Production and sales of packaged products   | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 |  |
| 10. | 東莞安迅電<br>子有限公司<br>(indirect<br>subsidiary)(**)    | Production and sales of components for personal care, energy saving and home security products, investment. | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 | 0%                            | 100%                        | 97.73%                 |  |

<sup>(\*)</sup> Mr. Nguyen Dinh Trac is the Chairman of DLG Ninh Thuan Solar Power JSC (appointed on 02<sup>nd</sup> January 2022) and also the General Director of the Company.

#### Joint ventures, associates

|     |                                     |  | Ending balance of period      |                             |                        | Beginning balance             |                             |                        |
|-----|-------------------------------------|--|-------------------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| No. | Name of company                     | Main business activities                     | Ratio of capital contribution | Proportion of voting rights | Proportion of interest | Ratio of capital contribution | Proportion of voting rights | Proportion of interest |
| 1.  | Duc Long Dak Nong<br>BOT and BT JSC | Investment and construction of traffic works | 29.0%                         | 29.0%                       | 29.0%                  | 29.0%                         | 29.0%                       | 29.0%                  |

#### 7. Employees

As at the accounting period ended, there are 32 employees who are working at the Company (there were 35 employees at the beginning of year).

## II. ACCOUNTING PERIOD, AND REPORTING CURRENCY

#### 1. The Company's fiscal year

The fiscal year starts on 01st January and ends on 31st December of each calendar year.

These interim (separate) financial statements are prepared for the six-month period ended 30<sup>th</sup> June 2025, from 01<sup>st</sup> January 2025 to 30<sup>th</sup> June 2025.

#### 2. Reporting currency and methods of foreign currency translation

The standard currency unit used is Vietnam Dong (VND).

<sup>(\*\*)</sup> These are second-Tier subsidiaries indirectly through Mass Noble Investments Limited.

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city. Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### III. ADOPTED ACCOUNTING REGIME AND STANDARDS

#### 1. Applicable accounting regime

The Company has applied the Accounting Standards and the Vietnamese Corporate Accounting System in accordance with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22<sup>nd</sup> December 2014 and Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21<sup>st</sup> March 2016 of the Ministry of Finance on amending and supplementing a number articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC as well as circulars guidance on implementing the accounting standards of the Ministry of Finance in the preparation of the interim (separate) Financial statements.

#### 2. Statement on the compliance with the Vietnamese accounting regime and standards

The Board of Directors of Alpha Seven Group Joint Stock Company ensure to follow all the requirements of the accounting standards and the Vietnamese Corporate accounting system promulgating together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22<sup>nd</sup> December 2014 and Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21<sup>st</sup> March 2016 of the Ministry of Finance on amending and supplementing a number articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC as well as circulars guidance on implementing the accounting standards of the Ministry of Finance in the preparation of the interim (separate) Financial statements.

#### IV. ADOPTED ACCOUNTING POLICIES

#### 1. Basic for preparing the interim (separate) Financial statements

The interim (separate) Financial statements are prepared based on accrual accounting (excluding information related to the cash flows).

#### 2. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand, cash in transit and call deposits.

Cash equivalents is the short-term securities of which the due dates can not exceed 3 (three) months from the dates of the investments and the convertibility into cash is easy, and which do not have a lot of risks in the conversion into cash.

#### 3. Financial investments

#### Trading securities

The investments are classified as trading securities if the company intends to hold for profit-making purpose.

Trading securities are recorded in the accounting books at their historical cost. Historical cost of trading securities is determined by the fair value of the payments as of the date transactions arise plus the expenses related to transaction of purchasing trading securities.

Trading securities is recognized as at the time the Company has the ownership, details are as follows:

- For listed securities: is recognized as at the time of order matching (T+0).
- For unlisted securities: is recognized as at the time of formal ownership in accordance with law.

When trading securities are purchased, their interests, dividends and profits from previous years are accounted in reducing their value. And their interests, dividends and profits of following years are recognized in the income from financial activities. Received dividends by stocks are only monitored as the number of stocks increases, not to be recorded as the received stocks.

Provision for devaluation of trading securities is made for each particular type of securities in the market and for which the market value lower of their historical costs. The determination of the fair value of trading securities listed on the stock market or traded on UPCOM, the fair value of the stock is the closing price at the balance sheet date. If the stock market or UPCOM is not traded as at the balance sheet date, the fair value of stocks is the closing price of preceding trading session.

Increase/Decrease in the balance of provision for devaluation of trading securities must be make as at the accounting period ended and are recognized in the expenses from financial activities.



Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### Loans

Loans are determined by the historical costs less (-) the provision for doubtful receivables.

Provision for doubtful receivables of loans based on the estimated losses which may arise for past-due loan which the Company has claimed many times but has not yet recovered or not yet expired but the debtor has fallen into bankruptcy or is in the process of dissolution, missing or absconding.

#### Investments in subsidiaries, joint ventures, associated companies

#### Subsidiaries

Subsidiaries is a company that is controlled by the Company. The control is achieved when the Company has the ability to control the financial and operational policies of the investee company in order to get economic benefits thanks to their operating activities.

#### Joint ventures, associated companies

Joint venture, associate company is an enterprise in which the Company has significant influence but not control over the financial and operating policies. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the investee but not control over those policies.

Investments in subsidiaries, joint ventures, associated companies is initially recorded at their historical cost, include purchase price or capital contributions plus the costs directly related to the investment. In case of investment by non-monetary assets, the cost of investment is recognized at fair value of non-monetary assets as at the arising date.

When investments are purchased, their dividends and profits from previous years are accounted in reducing their value. And their dividends and profits of following years are recognized in the revenue. Received dividends by stocks are only monitored as the number of stocks increases, not to be recorded as the received stocks.

Provision for loss of investments in subsidiaries, joint ventures, associated companies is appropriated as subsidiaries, joint ventures, associated companies have suffered losses, by the differences between the actual capital contributions by parties in subsidiary, joint ventures, associated companies and the actual equity multiplied (X) with the percentage of capital contribution of the Company and total actual capital contributions by parties in subsidiary, joint ventures, associated companies. If the subsidiary, joint ventures, associated companies is subject to present the consolidated financial statements, basis of determination of provision for loss is the consolidated financial statements.

Increase/Decrease in the balance of provision for loss of investments in subsidiaries, joint ventures, associated companies must be make as at the accounting period ended and are recognized in the expenses from financial activities.

#### Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include investments in equity instruments but the Company does not have control, joint control or significant influence over the investee.

Investments in equity instruments of other entities is initially recorded at their historical cost, include purchase price or capital contributions plus the costs directly related to the investment. When investments are purchased, their dividends and profits from previous years are accounted in reducing their value. And their dividends and profits of following years are recognized in the revenue. Received dividends by stocks are only monitored as the number of stocks increases, not to be recorded as the received stocks.

Provision for loss of investments in equity instruments of other entities is appropriated as follows:

- For investments in listed stocks or fair value of investments is determined reliably, the provision is based on the market value of stocks.
- For investments can not determine fair value as at the date of report, the provision is based on the loss of
  investee by the differences between the actual capital contributions by parties in other entity and the actual
  equity multiplied (X) with the percentage of capital contribution of the Company and total actual capital
  contributions by parties in other entity.



Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

Increase/Decrease in the balance of provision for loss of investments in equity instruments of other entities must be make as at the accounting period ended and are recognized in the expenses from financial activities.

#### 4. Receivables

Doubtful receivables are presented by book value subtracting the provisions for doubtful receivables. Receivables are classified as trade receivables, inter-company receivables and other receivables comply with the following principles:

- Trade receivables reflect the commercial elements arising from selling purchasing transactions between the Company and the buyer is an independent entity, include receivables from export sales under entrusted others.
- Inter-company receivables reflect receivables of subordinate entities without legal status and dependent accounting.
- Other receivables reflect the non-commercial elements, unrelated to selling purchasing transactions.

Provisions for doubtful receivables are presented at the estimated uncollectible value by the Company as at the accounting period ended. Increase/Decrease in the balance of provisions for doubtful receivables are recognized in the separate income statement.

#### 5. Prepaid expenses

Prepaid expenses include the actual arising costs but related to the operating results of numerous accounting periods. The Company's prepaid expenses include:

#### Tools

Expenses on tools being put into use are allocated into expenses in accordance with the straight line method for the maximum period of 3 years.

#### 6. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by the historical costs less (-) accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses of the company to have these fixed assets as of the dates they are ready to be put into use. Other expenses incurred subsequent to the initial recognition are included in historical costs of fixed assets only if they certainly bring more economic benefits in the future thanks to the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into expenses during the period.

When tangible fixed assets are disposed or liquidated, their historical costs and accumulated depreciation are written off, then any profit (or loss) generated from the liquidation is included in the income or the expenses during the period.

Tangible fixed assets are depreciated in line with straight-line method to gradually write off the historical costs of fixed assets over their estimated useful lives. The depreciation years of tangible fixed assets applied are as follows:

| Kinds of fixed assets           | Years    |
|---------------------------------|----------|
| Buildings and structures        | 05 - 48  |
| Machineries and equipments      | 10 - 15  |
| Vehicles, transmissions         | 4.5 - 10 |
| Equipments and tools management | 04       |

#### 7. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by the historical costs less (-) accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the expenses of the company to have these fixed assets as of the dates they are ready to be put into use. Other expenses incurred subsequent to the initial recognition



Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city. Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

are included in expenses during the period only if they attached to the specific intangible fixed asset and bring more economic benefits thanks to the use of these assets.

When intangible fixed assets are disposed or liquidated, their historical costs and accumulated amortization are written off, then any profit (or loss) generated from the liquidation is included in the income or the expenses during the period.

The Company's intangible fixed assets include:

#### Software program

Costs related to computer software programs is not an integral part of the related hardware is capitalized. Historical costs of computer software include all the expenses of the Company to pay until the date the software is put into use. Computer software is amortized in line with straight-line method within 05 - 08 years.

#### 8. Investment properties

Investment properties are property being land use right, a building or a part of building, infrastructure held by the Company under a financial lease to earn rental or for capital appreciation.

Leasehold investment properties are determined by the historical costs less (-) accumulated depreciation.

Historical cost of investment properties include all the expenses paid by the Company or the fair value of other consideration given to acquire the assets at the time of its acquisition or construction.

Subsequent expenses relating to an investment properties that have already been recognized should be added to the net book value of the investment properties when they are probable that future economic benefits, in excess of the originally assessed standard of performance of the existing investment properties, will flow to the company.

Investment properties are depreciated in line with straight-line method over their estimated useful lives:

| Kinds of fixed assets    | Years |
|--------------------------|-------|
| Buildings and structures | 15    |

#### 9. Liabilities

Liabilities and accruals are recognized for payable amounts in the future related to the received goods and services. Accruals are recognized based on the reasonable estimates of the payable amounts.

Payables are classified as trade payables, accruals, inter-company payables and other payables comply with the following principles:

- Trade payables reflect the commercial elements arising from purchasing transactions of goods, services, assets and the seller is an independent entity, include payables from import by a trustee.
- Accruals reflect the payables to the received goods and services from seller or provided to buyer but
  not yet paid due to do not have invoice or insufficient accounting records and vouchers and payable to
  employees on sabbatical salary, operating costs must be accrued.
- Other payables reflect the non-commercial elements, unrelated to selling purchasing transactions, rendering of services.

#### 10. Unearned revenue

The Company's unearned revenue is the advance payment of services rendered to customers for one or numerous accounting periods which is allocated according to each period of received payment.

#### 11. Owners' equity

#### Owner's invested equity

Owner's invested equity is recognized according to the shareholders' actual capital.

Address: Lot I3-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### Surplus of share capital

Surplus of share capital is recognized at differences between issued actual value and the nominal value of stocks, direct costs related to the issuance of stocks.

#### Profit distribution

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after appropriating for funds in accordance with the Company's Charter as well as regulations and being approved by General Meeting of Shareholders. Distribution of profits to shareholders is considered non-monetary items in undistributed earnings after tax which can affect the cash flows and ability to pay dividends.

#### 12. Recognition of revenues and income

Revenues are recognized when the Company may get economic benefits that can be determined reliably. Revenues are measured at the fair value of received or receivable accounts after deducting trade discounts, sales discounts and sales returns.

#### Revenues from rendering of services: (Services of yards, transportation, power supply ...)

Revenues from rendering of services transaction are recognized when the result of transaction is determined reliably. Where the service is rendered during numerous periods, revenue in period is recognized based on the results of work completely as at balance sheet date. The results of rendering of services transaction are determined when satisfying all the following conditions:

- Revenue is determined rather reliably;
- Be able to gain economic benefits from the transactions;
- Determining work completely as at Balance Sheet date;
- Determining expenses related to rendering of services.

#### Interest

Interest is recognized on an accrual basis, and determined on balance of savings accounts and the actual interest rates for each period.

#### 13. Cost of goods sold

Cost of goods sold is total cost of goods, expenses directly of provided services, other expenses are included in the cost of goods.

#### 14. Expenses from financial activities

Expenses from financial activities are the costs related to financial activities include expenses or losses related to financial investment activities, borrowing costs, costs of capital contribution to joint ventures and associates.

Borrowing costs include interest and other costs incurred directly related to loans. Borrowing costs will be capitalized when they are directly related to the construction or the production of an asset in progress, which has taken a substantial period of time (over 12 months) to get ready for intended use or sales of the asset. Otherwise, the borrowing costs will be recognized into expenses during the period. For private loans serve the construction of fixed assets, investment properties, interest is capitalized even if the construction period of less than 12 months. The income arising from the temporary investment of loans is recorded reducing the historical cost of the relevant assets.

In the event of general borrowings which are partly used for acquiring, constructing or producing an asset in progress, the costs eligible for capitalization will be determined according to the capitalization rates applied to average accumulated expenditure on that asset. The capitalization rates are computed at the average interest rates on the borrowings not yet paid during the period, except for particular borrowings serving the purpose of obtaining a specific asset.



Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### 15. Selling expenses and General & administration expenses

Selling expenses and General & administration expenses are all costs related to the process of selling products, goods, rendering of services and general administration expenses of the Company.

#### 16. Taxes and statutory obligations

Value added tax (VAT) is in accordance with the deduction method.

The Company has paid Corporate income tax (CIT) at rate of 20% (twenty percent) of profit gained from the operation activities.

Other taxes will be paid according to prevailing regulations.

#### 17. Corporate income tax (CIT)

Corporate income tax expenses include current corporate income tax and deferred corporate income tax.

#### Current corporate income tax

Current corporate income tax expense is recognized based on taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of differences between tax and accounting figures as well as those of non-taxable or non-deductible income and expenses.

#### For rooftop solar power project activities:

- As prescribed in Clause 1, Clause 2, Article 15 of the Decree No. 218/2013/NĐ-CP dated 26<sup>th</sup> December 2013 of the Government on detailing and guiding the implementation of the Law on corporate income tax, Alpha Seven Group JSC is entitled to corporate income tax incentives applied to income of enterprise from performing new investment project in the fields: ... production of renewable energy, clean energy, energy from waste destruction and biotechnology development. Incentive tax rate is as follows:

Incentive tax rate of 10% within 15 years (from 2021 to 2035).

#### Deferred Corporate income tax

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or refundable due to temporary differences between book values of assets and liabilities serving the preparation of the financial statements and the values for tax purposes. Deferred income tax liabilities are recognized for all the temporary taxable differences. Deferred income tax assets are recorded only when there is an assurance on the availability of taxable income in the future against which the temporarily deductible differences can be used.

Book values of deferred corporate income tax assets are considered at the balance sheet dates and will be reduced to the rates that ensure enough taxable income against which the benefits from a part of or all of the deferred income tax can be used. Deferred corporate income tax assets are not yet recorded in before that will be reconsidered as at the accounting period ended and recorded when being reliably taxable profit to be able to use deferred income tax assets.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are determined at the estimated rates to be applied in the year when the assets are recovered or the liabilities are settled based on the effective tax rates as of the balance sheet date. Deferred income tax is recognized in the income statement. In the case that deferred income tax is related to the items of the owner's equity, corporate income tax will be included in the owner's equity of the company.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities should be offset when:

- The Company has a legal right to implement the offset of current income tax assets and current income tax payable; and
- Those deferred income tax assets and deferred income tax payable related to corporate income tax is administered by the same tax authority:
  - For the same taxable entity; or
  - The Company intends to pay current income tax payable and current income tax assets on the basis of net or recover assets at the same time with the payment of liabilities in each future period when the significant deferred income tax payable or deferred income tax assets to be paid or recovered.

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### 18. Related.parties

A party is considered as a related party of the company in case that party is able to control the company or to cause material effects on the financial decisions as well as the operations of the company. A party is also considered a related party of the company in case that party is under common control or significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship, and not merely the legal form.

#### 19. Segment Reporting

A business segment is a distinguishable component of an enterprise that is engaged in providing an individual product or service or a group of related products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of an enterprise that is engaged in providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

Segment information is prepared and presented comply with the accounting policies in the preparation and presentation of the financial statements of the Company.

# V. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE INTERIM (SEPARATE) BALANCE SHEET (Currency: VND)

#### 1. Cash and cash equivalents

| Details         | Ending balance<br>of period | Beginning balance |
|-----------------|-----------------------------|-------------------|
| - Cash on hand  | 653,789,890                 | 686,257,568       |
| - Call deposits | 577,772,858                 | 769,773,840       |
| Total           | 1,231,562,748               | 1,456,031,408     |

#### 2. Trading securities

|  | Ending balance of period |               |           | Beginning balance |                |                 |  |
|--|--------------------------|---------------|-----------|-------------------|----------------|-----------------|--|
|  | Historical cost          | Fair<br>value | Provision | Historical cost   | Fair value     | Provision       |  |
| Stocks   | -                        | -             | -         | 55,200,000,000    | 51,520,000,000 | (4,180,000,000) |  |
| - Duc Long Gia<br>Lai Construction<br>Investment JSC |                          |               | -         | 55,200,000,000    | 51,520,000,000 | (4,180,000,000) |  |
| Total  | -                        | -             |           | 55,200,000,000    | 51,520,000,000 | (4,180,000,000) |  |

During the period, the Company sold all trading securities at a selling price of VND 55,200,000,000.



Ending balance of navied

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### 3. Held-to-maturity investment

These are savings deposits with a term of less than 12 months.

| Details   | Ending balance of period |                 | Beginning balance |                 |
|---|--------------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
|   | Historical cost          | Book value      | Historical cost   | Book value      |
| Short-term  |                          |                 |                   |                 |
| Term deposits   | 130,000,000,000          | 130,000,000,000 | 100,000,000,000   | 100,000,000,000 |
| - Asia Commercial JS Bank (ACB)                               | 90,000,000,000           | 90,000,000,000  | -                 | -               |
| - Ho Chi Minh City Development<br>JS Commercial Bank (HDBank) | 40,000,000,000           | 40,000,000,000  | 50,000,000,000    | 50,000,000,000  |
| - Vietnam Export Import<br>Commercial JS Bank (Eximbank)      | -                        |                 | 50,000,000,000    | 50,000,000,000  |
| Total   | 130,000,000,000          | 130,000,000,000 | 100,000,000,000   | 100,000,000,000 |

In which the value of the deposit contract with amount of VND 40,000,000,000 is used as collateral for loans (refer to the Notes No. V.20).

#### 4. Short-term trade receivables

| Ending balance of period | Provision   | Beginning balance   | Provision   |
|--------------------------|---|---|---|
| 116,365,017              | -   | -   | -   |
| 110,819,560              | -   | -   | -   |
| 5,545,457                | -   | -   | -   |
| 137,031,643,373          | (672,700,000)   | 211,634,114,963   | (672,700,000)   |
| 80,000,000,000           | <u>.</u>  | 210,000,000,000   | -   |
| 55,200,000,000           | -   | -   | -   |
| 811,000,000              | (672,700,000)   | 1,383,000,000   | (672,700,000)   |
| 1,020,643,373            | -   | 251,114,963   | -   |
| 137,148,008,390          | (672,700,000)   | 211,634,114,963   | (672,700,000)   |
|                          | of period  116,365,017  110,819,560  5,545,457  137,031,643,373  80,000,000,000  55,200,000,000  811,000,000  1,020,643,373 | of period         Provision           116,365,017         -           110,819,560         -           5,545,457         -           137,031,643,373         (672,700,000)           80,000,000,000         -           55,200,000,000         -           811,000,000         (672,700,000)           1,020,643,373         - | of period         Provision         balance           116,365,017         -         -           110,819,560         -         -           5,545,457         -         -           137,031,643,373         (672,700,000)         211,634,114,963           80,000,000,000         -         210,000,000,000           55,200,000,000         -         -           811,000,000         (672,700,000)         1,383,000,000           1,020,643,373         -         251,114,963 |

<sup>(1)</sup> This is the receivable from the transferring shares of Van Gia Long Investment – Construction Corporation to Mr. Nguyen Duc Toan.

<sup>(2)</sup> This is the receivable from the transferring shares of Duc Long Gia Lai Construction Investment JSC to Truong An Tay Nguyen One Member Co., Ltd.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### 5. Short-term advance payments to suppliers

| Details                             | Ending balance<br>of period | Beginning balance |
|-------------------------------------|-----------------------------|-------------------|
| Advance payments to related parties | -                           |                   |
| Advance payments to others          | 44,717,475,639              | 2,970,300,000     |
| - Nguyen Huu Hau                    | 40,000,000,000              |                   |
| - Others                            | 4,717,475,639               | 2,970,300,000     |
| Total                               | 44,717,475,639              | 2,970,300,000     |

#### 6. Short-term loan receivables

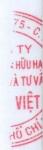
| Details  | Ending balance of period | Beginning balance |
|--|--------------------------|-------------------|
| Receivables from related parties                     | -                        | -                 |
| Receivables from other organizations and individuals | 96,879,493,346           | 77,208,383,344    |
| - Ho Thi Thu (1)                                     | 56,930,493,344           | 14,545,493,344    |
| - Mai Xuan Binh (2)                                  | 17,100,000,000           | 43,983,190,000    |
| - Pham Thi Bich Loan (3)                             | 22,849,000,002           | -                 |
| - Tran Thi Quynh                                     | <u> </u>                 | 18,679,700,000    |
| Total  | 96,879,493,346           | 77,208,383,344    |

- (1) The loan of Ms Ho Thi Thu according to the Loan agreement No. 004/2025/HDCT dated 01st April 2025, 12-month term, interest rate from 7%/year to 10%/year. Unsecured loan.
- (2) The loan of Mr. Mai Xuan Binh according to the Loan agreement No 003/2025/HDCT dated 01st April 2025, 12-month term, interest rate from 7%/year to 10%/year. Unsecured loan.
- (3) The loan of Ms Pham Thi Bich Loan according to the Loan agreement No 114/2025-HDCT dated 15<sup>th</sup> April 2025, 12-month term, interest rate from 6%/year to 6.5%/year. Unsecured loan.

#### 7. Other short-term and long-term receivables

#### 7a. Other short-term receivables

| Details  | Ending balance<br>of period | Provision | balance        | Provision |
|--|-----------------------------|-----------|----------------|-----------|
| Receivables from related parties   | 35,730,000,000              | -         | 7,380,000,000  | -         |
| - DLG Ninh Thuan Solar Power JSC (dividends divided)                         | 24,000,000,000              |           |                |           |
| <ul> <li>Duc Long Dak Nong BOT and BT<br/>JSC (dividends divided)</li> </ul> | 11,730,000,000              |           | 7,380,000,000  |           |
| Receivables from other organizations and individuals                         | 17,797,736,263              | -         | 20,519,567,931 | -         |
| - Loan interest receivable   | 7,503,383,026               | -         | 6,467,024,905  | -         |
| - Others   | 10,294,353,237              | -         | 14,052,543.026 |           |
| Total  | 53,527,736,263              | -         | 27,899,567,931 |           |
|  |                             |           |                |           |



Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### 7b. Other long-term receivables

| Details  | Ending balance of period | Provision | Beginning balance | Provision |
|--|--------------------------|-----------|-------------------|-----------|
| Receivables from related parties                     | 2,064,375,501            | -         | 2,064,375,501     | -         |
| - Duc Long Gia Lai Group JSC (security deposit)      | 2,064,375,501            | -         | 2,064,375,501     |           |
| Receivables from other organizations and individuals | -                        |           | -                 | -         |
| Total  | 2,064,375,501            | -         | 2,064,375,501     | • 11      |

#### 8. Inventories

|                             | <b>Ending balance of period</b> |           | Beginning balance |           |   |
|-----------------------------|---------------------------------|-----------|-------------------|-----------|---|
| Details                     | Historical cost                 | Provision | Historical cost   | Provision | _ |
| Raw materials, supplies (*) | 645,203,559                     | -         | 645,203,559       | -         | - |
| Total                       | 645,203,559                     | -         | 645,203,559       | -         | - |

<sup>(1)</sup> Raw materials, supplies are mainly alternative materials for solar panels.

#### 9. Short-term and long-term prepaid expenses

#### 9a. Short-term prepaid expenses

| De     | etails                        | Ending balance<br>of period | Beginning balance |
|--------|-------------------------------|-----------------------------|-------------------|
| - T    | Cools in use                  | 336,215,758                 | 52,318,332        |
| To     | tal                           | 336,215,758                 | 52,318,332        |
| Th     | e movement is as follows:     |                             |                   |
|        |                               | Curent period               | Previous period   |
| - B    | eginning balance              | 52,318,332                  | 56,111,822        |
| - N    | lew procurement during period | 333,732,168                 | 228,065,690       |
| - A    | llocation during period       | (49,834,742)                | (132,866,183)     |
| En     | ding balance of period        | 336,215,758                 | 151,311,329       |
| b. Loi | ng-term prepaid expenses      |                             |                   |
| De     | tails                         | Ending balance of period    | Beginning balance |
| - R    | epair cost                    | 619,554,771                 | 270,061,726       |
| - C    | others                        | 132,255,794                 | 108,784,407       |
| То     | tal                           | 751,810,565                 | 378,846,133       |

Address: Lot I3-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### The movement is as follows:

|                                 | Curent period | Previous period |
|---------------------------------|---------------|-----------------|
| - Beginning balance             | 263,105,392   | 906,628,220     |
| - New procurement during period | 636,359,226   | 6,272,727       |
| - Allocation during period      | (147,654,053) | (297,548,515)   |
| Ending balance of period        | 751,810,565   | 615,352,432     |

#### 10. Tangible fixed assets

Details of the movement on tangible fixed assets are as follows:

|                            | Buildings and structures | Machineries & equipments | Vehicles,<br>transmission | Equipments<br>and tools<br>management | Total          |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------------------|----------------|
| Historical cost            |                          |                          |                           |                                       |                |
| Beginning balance          | 24,870,103,899           | 21,095,269,492           | 1,971,463,637             | 271,815,200                           | 48,208,652,228 |
| Increase during period     |                          | -                        |                           | -                                     |                |
| Decrease during period     | -                        |                          |                           |                                       | -              |
| Ending balance of period   | 24,870,103,899           | 21,095,269,492           | 1,971,463,637             | 271,815,200                           | 48,208,652,228 |
| Accumulated depreciation   |                          |                          |                           |                                       |                |
| Beginning balance          | 17,334,333,603           | 7,048,699,086            | 1,971,463,637             | 271,815,200                           | 26,626,311,526 |
| Depreciation during period | 528,402,030              | 880,479,240              |                           | -                                     | 1,408,881,270  |
| Decrease during period     | -                        | -                        | -                         | •                                     | -              |
| Ending balance of period   | 17,862,735,633           | 7,929,178,326            | 1,971,463,637             | 271,815,200                           | 28,035,192,796 |
| Net book value             |                          |                          |                           |                                       |                |
| Beginning balance          | 7,535,770,296            | 14,046,570,406           | _                         | -                                     | 21,582,340,702 |
| Ending balance of period   | 7,007,368,266            | 13,166,091,166           | -                         | -                                     | 20,173,459,432 |

Historical cost of fully-depreciated tangible fixed assets which is still in use with amount of VND 3,555,070,251.

Residual value of tangible fixed assets which are used as collateral to secure the bond issuance of Duc Long Gia Lai Group JSC (having the same major shareholder) as at 30<sup>th</sup> June 2025 is VND 3,035,505,547 (refer to the Notes VII.3).

#### 11. Intangible fixed assets

Details of the movement on intangible fixed assets are as follows:

|                          | Land-use rights (*) | Computer software | Total          |
|--------------------------|---------------------|-------------------|----------------|
| Historical cost          |                     |                   |                |
| Beginning balance        | 60,000,000,000      | 441,795,000       | 60,441,795,000 |
| Increase during period   | -                   |                   | -              |
| Ending balance of period | 60,000,000,000      | 441,795,000       | 60,441,795,000 |
|                          |                     |                   |                |



Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

|                            | Land-use rights (*) | Computer software | Total·         |
|----------------------------|---------------------|-------------------|----------------|
| Accumulated amortization   |                     |                   |                |
| Beginning balance          | _                   | 319,552,515       | 319,552,515    |
| Amortization during period | -                   | 19,689,522        | 19,689,522     |
| Ending balance of period   | -                   | 339,242,037       | 339,242,037    |
| Net book value             |                     |                   |                |
| Beginning balance          | 60,000,000,000      | 122,242,485       | 60,122,242,485 |
| Ending balance of period   | 60,000,000,000      | 102,552,963       | 60,102,552,963 |

Historical cost of fully-amortized intangible fixed assets which is still in use with amount of VND 170,135,000.

#### 12. Investment Properties

These are the Company's sales kiosks for rent. Details of the movement on investment properties are as follows:

|   | Infrastructure | Total         |
|---|----------------|---------------|
| Historical cost   |                |               |
| Beginning balance   | 1,891,892,974  | 1,891,892,974 |
| Increase during period  | - 1            |               |
| Decrease during period  | - 1            | -             |
| Ending balance of period  | 1,891,892,974  | 1,891,892,974 |
| In which: fully-depreciated fixed assets which are still in use | 1,891,892,974  | 1,891,892,974 |
| Accumulated depreciation  |                |               |
| Beginning balance   | 1,891,892,974  | 1,891,892,974 |
| Depreciation during period                                      |                |               |
| Decrease during period  |                |               |
| Ending balance of period  | 1,891,892,974  | 1,891,892,974 |
| Net book value  |                |               |
| Beginning balance   | <u>-</u>       | _             |
| Ending balance of period  |                | -             |
|   |                |               |



<sup>(\*)</sup> This is the land-use right at No. 97/2 Nguyen Huu Canh street, Binh Thanh district, Ho Chi Minh city. Term of use: long-term. Residual value of this land-use right with amount of VND 60,000,000,000 is used as collateral for the payment obligation of DLG Ansen Electronics Co., Ltd. (subsidiary) at Vietnam JS Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank) - Thu Duc branch (refer to the Notes VII.3).

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### Revenues and expenses related to investment properties:

|   | Ending balance<br>of period | Beginning balance |
|---|-----------------------------|-------------------|
| Income from investment property rental  | 635,653,958                 | 549,190,907       |
| Direct operating expenses of investment properties generate rental income during period |                             |                   |
| (Profit)/ loss from investment properties   | 635,653,958                 | 549,190,907       |

#### 13. Construction-in-progress

|  | Beginning balance | Arising during period | Transferred into<br>fixed assets<br>during period | Other decrease | Ending balance of period |
|--|-------------------|-----------------------|---|----------------|--------------------------|
| Construction-in-progress   | 19                |                       |   |                |                          |
| <ul> <li>Land-use right at 97/4 Nguyen<br/>Huu Canh street, Binh Thanh<br/>district, Ho Chi Minh city</li> </ul> | 48,018,981,482    | 240,000,000           | •   |                | - 48,258,981,482         |
| - Construction   | 824,656,478       | -                     | -   |                | - 824,656,478            |
| Total  | 48,843,637,960    | 240,000,000           | _   |                | - 49,083,637,960         |

<sup>(\*)</sup> This is the Land-use right at 97/4 Nguyen Huu Canh street, Binh Thanh district, Ho Chi Minh city which is under construction and purchased according to the Contract for Residential house purchase and sale and transfer of land-use right No. 12033 dated 04<sup>th</sup> July 2025 signed between Mr. Tran Van Chinh, Mrs. Le Thi Kieu Thuy and the Company. The Company is implementing the Office buildings project in this land.

#### 14. Long-term financial investments

|   | Ending balance of period |                 |                | Beginning balance |                 |                |  |
|---|--------------------------|-----------------|----------------|-------------------|-----------------|----------------|--|
|   | Historical cost          | Fair value (*)  | Provision      | Historical cost   | Fair value (*)  | Provision      |  |
| Investments in subsidiaries                             | 537,000,000,000          | 499,821,392,664 | 37,178,607,336 | 537,000,000,000   | 517,216,343,208 | 19,783,656,792 |  |
| - DLG Ansen<br>Electronics Co., Ltd.                    | 80,000,000,000           | 72,462,094,753  | 7,537,905,247  | 80,000,000,000    | 80,000,000,000  |                |  |
| - DLG Ninh Thuan<br>Solar Power JSC (2)                 | 202,000,000,000          | 202,000,000,000 |                | 202,000,000,000   | 202,000,000,000 |                |  |
| - Mass Noble<br>Investments Limited                     | 255,000,000,000          | 225,359,297,911 | 29,640,702,089 | 255,000,000,000   | 235,216,343,208 | 19,783,656,792 |  |
| Investment in joint ventures, associates                | 201,187,500,000          | 201,187,500,000 |                | 201,187,500,000   | 201,187,500,000 | •              |  |
| - Duc Long Dak<br>Nong BOT and BT<br>JSC <sup>(4)</sup> | 201,187,500,000          | 201,187,500,000 | -              | 201,187,500,000   | 201,187,500,000 |                |  |
| Total   | 738,187,500,000          | 701,008,892,664 | 37,178,607,336 | 738,187,500,000   | 718,403,843,208 | 19,783,656,792 |  |

DLG Ansen Electronics Co., Ltd. operates in accordance with the Investment Certificate No. 7534124041 granted by the Board of Management of Saigon Hi-Tech Park in Ho Chi Minh city (the initial issuance on 31st May 2017 and the 01st amendment dated 24th December 2020). The Company is registered to set up in accordance with the initial Business Registration Certificate No. 0315016980 dated 27th April 2018, the 3rd amendment dated 01st June 2021. Main business activities: Manufacture

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

- of consumer electronic products; Manufacture of measuring, testing and navigating equipments; Manufacture of electronic components. As at the accounting period ended, the Company invested VND 80,000,000,000 equivalent to 100% of charter capital of DLG Ansen Electronics Co., Ltd. (Beginning balance is VND 80,000,000,000 equivalent to 100% of charter capital).
- DLG Ninh Thuan Solar Power JSC is set up in accordance with the initial Business Registration Certificate No. 4500619268 dated 30<sup>th</sup> November 2017 granted by the Department of Planning and Investment of Ninh Thuan province. Main business activities: Investment in construction of solarwind power projects; Production of electric power transmission; Quarrying of stone, clay; construction of railway, road works; Installation of industrial machinery, electrical systems. As at the accounting period ended, the Company invested 10,500,000 stocks equivalent to 50% of charter capital of DLG Ninh Thuan Solar Power JSC (Beginning balance is 10,500,000 stocks equivalent to 50% of charter capital).
- (3) Mass Noble Investments Limited is set up in the British Virgin Islands. Main business activities are d in the fields of esign, manufacture and sale of SD memory cards, household convenience items, personal care, energy saving and home security products. As at the accounting period ended, the Company invested 97.73% of charter capital of Mass Noble Investments Limited (Beginning balance is 97.73% of charter capital).
- Ouc Long Dak Nong BOT and BT JSC is set up in accordance with the initial Business Registration Certificate No. 6400192949 dated 03<sup>rd</sup> August 2010 and the 9<sup>th</sup> amendment dated 27<sup>th</sup> March 2018 granted by the Department of Planning and Investment of Dak Nong province. Main business act: Investment and construction of traffic works. As at the accounting period ended, the Company invested 7,250,000 stocks equivalent to 29% of charter capital of Duc Long Dak Nong BOT and BT JSC Beginning balance is 7,250,000 stocks equivalent to 29% of charter capital).
- (\*) For unlisted stocks, fair value is determined by differences between the historical cost of investments and their provisions. The provision is determined based on the investee's financial statements.

#### 15. Short-term trade payables

| Details                      | Ending balance of period | Beginning balance |
|------------------------------|--------------------------|-------------------|
| Payables to related parties  | 4,804,830,000            | 3,863,200,000     |
| - Duc Long Gia Lai Group JSC | 4,804,830,000            | 3,863,200,000     |
| Payables to other suppliers  | 7,657,244,114            | 8,622,374,114     |
| - VES JSC                    | 7,500,000,000            | 7,500,000,000     |
| - Others                     | 157,244,114              | 1,122,374,114     |
| Total                        | 12,462,074,114           | 12,485,574,114    |

#### 16. Taxes and statutory obligations

|                              | Beginning balance |            | Arising du    | ring period     | Ending balance of period |            |
|------------------------------|-------------------|------------|---------------|-----------------|--------------------------|------------|
|                              | Payable           | Receivable | Payable       | Already paid    | Payable                  | Receivable |
| - Value added tax<br>(VAT)   | 349,032,082       | -          | 741,335,000   | (1,003,328,308) | 87,038,774               | -          |
| - Corporate income tax (CIT) | 2,403,156,104     |            | 971,529,256   | (200,000,000)   | 3,174,685,360            | -          |
| - Personal income tax (PIT)  |                   |            | 2,559,544,123 | (2,559,544,123) |                          |            |

3128

CÔN

For the six-month period ended 30th June 2025

|                                  | Beginning balance |            | Arising du    | ring period     | Ending balance of period |            |
|----------------------------------|-------------------|------------|---------------|-----------------|--------------------------|------------|
|                                  | Payable           | Receivable | Payable       | Already paid    | Payable                  | Receivable |
| - Housing land tax and Land rent | 765,285,600       | -          | -             | (301,000,000)   | 464,285,600              | -          |
| - Taxes, duties and others       |                   | -          | 4,000,000     | (4,000,000)     | -                        |            |
| Total                            | 3,517,473,786     | -          | 4,276,408,379 | (4,067,872,431) | 3,726,009,734            | _          |

#### Value added tax (VAT)

The Company pay value added tax in accordance with deduction method.

#### Corporate income tax (CIT)

The Company must pay corporate income tax on taxed income as follows: Activities of rooftop solar power projects at the rate of 10%,

Other activities at the rate of 20%.

Estimated corporate income tax (CIT) payable during the year is as follows:

|  | Current period   | Previous period |
|--|------------------|-----------------|
| Total pre-tax accounting profit  | 49,316,550,165   | 6,825,142,536   |
| Increase/ Decrease adjustments of accounting profit to determine profit subject to corporate income tax: |                  |                 |
| - Increase adjustments   | 83,316,528       | 479,614,197     |
| + Expenses without valid documents   | 83,316,528       | 479,614,197     |
| - Decrease adjustments   | (53,350,000,000) | -               |
| + Dividends received after the investment period   | (53,350,000,000) |                 |
| Taxable income   | (3,950,133,307)  | 7,304,756,733   |
| In which:  |                  |                 |
| + Taxable income loss at separate CIT finalization branches  | (8,807,779,590)  |                 |
| + Interest on taxable income at separate CIT finalization branches                                       | 4,857,646,283    | 7,304,756,733   |
| Transferred losses from previous years   |                  |                 |
| Taxed income   | 4,857,646,283    | 7,304,756,733   |
| - Taxed income is subject to tax rate of 10%   |                  | 1,633,482,980   |
| - Taxed income is subject to tax rate of 20%   | 4,857,646,283    | 5,671,273,753   |
| CIT payable under ordinary tax rate  | 971,529,256      | 1,297,603,048   |
| - CIT (10%)  | -                | 163,348,298     |
| - CIT (20%)  | 971,529,256      | 1,134,254,750   |
|  |                  |                 |

#### 17. Short-term accruals

This is mainly interest expenses.

Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city. Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### 18. Other short-term and long-term payables

|  | Ending balance of period | Beginning balance |
|--|--------------------------|-------------------|
| Short-term payables to related parties                       | -                        | -                 |
| Other short-term payables                                    | 307,320,456              | 315,530,992       |
| - Deposits for kiosks, wharfs rentals                        | 191,709,000              | 191,709,000       |
| - Social insurance, health insurance, unemployment insurance | 37,611,456               | 27,865,792        |
| - Others   | 78,000,000               | 95,956,200        |
| Total  | 307,320,456              | 315,530,992       |

#### 19. Short-term finance lease loans and liabilities

|  | Ending balan   | nce of period    | Beginning balance |                  |  |
|--|----------------|------------------|-------------------|------------------|--|
|  | Amount         | Ability to repay | Amount            | Ability to repay |  |
| Short-term loans payable to related parties  | 2,747,659,000  | 2,747,659,000    | 15,388,498,047    | 15,388,498,047   |  |
| - DLG Ansen Electronics Co., Ltd.  | 2,747,659,000  | 2,747,659,000    | 15,388,498,047    | 15,388,498,047   |  |
| Short-term loans payable to other organizations and individuals                    | 40,000,000,000 | 40,000,000,000   | 100,000,000,000   | 100,000,000,000  |  |
| <ul> <li>Asia Commercial JS Bank (ACB)</li> <li>Ba Thang Hai branch (2)</li> </ul> | 40,000,000,000 | 40,000,000,000   | 50,000,000,000    | 50,000,000,000   |  |
| - Vietnam Export Import<br>Commercial JS Bank (Eximbank) –<br>Saigon branch        | -              | -                | 50,000,000,000    | 50,000,000,000   |  |
| Total  | 42,747,659,000 | 42,747,659,000   | 115,388,498,047   | 115,388,498,047  |  |

(1) The Credit contract No. 02/2024/HDCT dated 01st July 2024.

- Loan limit

: VND 50,000,000,000;

- Loan purpose

: supplementing working capital;

- Loan interest rate

: 5.3%/year;

- Loan term

: 12 months;

- Collateral

: unsecured

(2) The Credit contract No. KHO.DN.5307.240625 dated 27th June 2025. - Loan limit

: VND 40,000,000,000;

- Loan purpose

: supplementing working capital;

- Loan interest rate

: 5.5%/month fixed for 6 months. Adjusted every 3 months;

- Loan term

: 6 months;

- Collateral

: Mortgage by savings deposit contract worth VND 40,000,000,000 (refer to the

Notes No. V.3).

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### Details of short-term loans during period are as follows:

|                  | Beginning balance | Loan amount<br>during period | Loan amount<br>already paid<br>during period | Ending balance of period |
|------------------|-------------------|------------------------------|--|--------------------------|
| Short-term loans | 115,388,498,047   | 80,384,659,000               | (153,025,498,047)                            | 42,747,659,000           |
| Total            | 115,388,498,047   | 80,384,659,000               | (153,025,498,047)                            | 42,747,659,000           |

#### 20. Owners' equity

#### 20a. The movement on the owners' equity

|   | Owners' invested equity | Surplus of share capital | Development<br>and<br>investment<br>funds | Undistributed<br>earnings after<br>tax | Total             |
|---|-------------------------|--------------------------|---|--|-------------------|
| For the six-month per                       | iod ended 30th June 20  | )24                      |   |  |                   |
| Balance as at 01st<br>January 2024          | 1,062,360,940,000       | 1,049,485,820            | 663,498,805                               | 100,182,443,890                        | 1,164,256,368,515 |
| Increase in period                          |                         | -                        | -   | 5,527,539,488                          | 5,527,539,488     |
| Interest during period                      |                         |                          | -   | 5,527,539,488                          | 5,527,539,488     |
| Decrease in period                          |                         |                          | -   | -                                      | -                 |
| Balance as at 30 <sup>th</sup><br>June 2024 | 1,062,360,940,000       | 1,049,485,820            | 663,498,805                               | 105,709,983,378                        | 1,169,783,908,003 |
| For the six-month per                       | od ended 30th June 20   | 025                      |   |  |                   |
| Balance as at 01st<br>January 2025          | 1,062,360,940,000       | 1,049,485,820            | 663,498,805                               | 100,182,443,890                        | 1,164,256,368,515 |
| Increase in period                          |                         | -                        | -   | 48,345,020,909                         | 48,345,020,909    |
| Interest during period                      | -                       | -                        | -   | 48,345,020,909                         | 48,345,020,909    |
| Decrease in period                          | -                       | -                        | -   |  |                   |
| Balance as at 30 <sup>th</sup><br>June 2025 | 1,062,360,940,000       | 1,049,485,820            | 663,498,805                               | 172,133,693,066                        | 1,236,207,617,691 |

#### 20b. Transactions on capital with owners and distribution of dividends and profit

|   |                          | Current period    | Previous period   |
|---|--------------------------|-------------------|-------------------|
| - | Owners' invested equity  |                   |                   |
| + | Beginning balance        | 1,062,360,940,000 | 1,062,360,940,000 |
| + | Increase in period       | -                 | -                 |
| + | Decrease in period       | -                 | -                 |
| + | Ending balance of period | 1,062,360,940,000 | 1,062,360,940,000 |



Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

#### 20c. Stocks

|   | Ending balance of period | Beginning balance |
|---|--------------------------|-------------------|
| Number of stocks being registered to issue                | 106,236,094              | 106,236,094       |
| Number of stocks already issued / public offering         | 106,236,094              | 106,236,094       |
| - Common stocks   | 106,236,094              | 106,236,094       |
| - Preferred stocks (type is classified as owners' equity) | - ·                      | -                 |
| Number of buy-back stocks                                 | -                        |                   |
| - Common stocks   | -                        |                   |
| - Preferred stocks  | -                        |                   |
| Number of outstanding stocks                              | 106,236,094              | 106,236,094       |
| - Common stocks   | 106,236,094              | 106,236,094       |
| - Preferred stocks  | -                        |                   |
|   |                          |                   |

Nominal value of outstanding stocks: 10,000 VND/stock

# VI. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE INTERIM (SEPARATE) INCOME STATEMENTS (Currency: VND)

## 1. Revenues from sale of goods and rendering of services

#### 1a. Total revenues

| Details are as follows:     | Current period | Previous period  |
|-----------------------------|----------------|--|
| - Wharf activities          | 7,993,637,174  | 6,595,500,483  |
| - Transportation activities | 121,351,238    | 115,277,728  |
| - Solar power activities    | 3,146,072,637  | 3,056,856,636  |
| Total                       | 11,261,061,049 | 9,767,634,847  |
|                             |                | A STATE OF THE PARTY OF THE PAR |

#### 1b. Revenues with related parties

| Details are as follows:                   | Current period | Previous period |
|---|----------------|-----------------|
| - Revenues from solar power activities    |                |                 |
| DLG Ansen Electronics Co., Ltd.           | 592,013,832    | 603,234,318     |
| - Revenues from transportation activities |                |                 |
| Duc Long Gia Lai Group JSC ("DLG")        | 27,272,728     | 27,272,728      |
| Total                                     | 619,286,560    | 630,507,046     |



Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

| 2. | Cost of goods sold                                    |                 |  |
|----|---|-----------------|--|
|    | Details are as follows:                               | Current period  | Previous period  |
|    | - Wharf activities                                    | 1,492,712,139   | 2,046,491,706  |
|    | - Transportation activities                           | 171,134,932     | 182,371,389  |
|    | - Solar power activities                              | 1,596,540,244   | 1,367,798,656  |
|    | Total   | 3,260,387,315   | 3,596,661,751  |
| 3. | Income from financial activities                      |                 |  |
|    | Details are as follows:                               | Current period  | Previous period  |
|    | - Loan interest                                       | 3,165,987,027   | 2,793,219,972  |
|    | - Dividends received                                  | 53,350,000,000  | -  |
|    | - Interest on bank deposits                           | 1,359,877,798   | 1,286,508,995  |
|    | Total   | 57,875,864,825  | 4,079,728,967  |
| 4. | Expenses from financial activities                    |                 |  |
|    | Details are as follows:                               | Current period  | Previous period  |
|    | - Interest expenses                                   | 1,456,840,271   | 1,293,037,616  |
|    | - Provision for long-term financial investment losses | 17,394,950,544  | -  |
|    | - Reversal of provision for trading securities        | (4,180,000,000) |  |
|    | Total   | 14,671,790,815  | 1,293,037,616  |
| 5. | Selling expenses                                      |                 |  |
|    | Details are as follows:                               | Current period  | Previous period  |
|    | - Wage and salary                                     | 279,707,183     | 280,141,060  |
|    | Total   | 279,707,183     | 280,141,060  |
| 6. | General & administration expenses                     |                 |  |
|    | Details are as follows:                               | Current period  | Previous period  |
|    | - Wage and salary                                     | 697,759,104     | 603,846,155  |
|    | - Depreciation/Amortization of fixed assets           | 309,821,556     | 335,373,456  |
|    | - Taxes and duties                                    | 4,000,000       | 4,000,000  |
|    | - Outsourcing expenses                                | 419,311,026     | •  |
|    | - Others  | 123,905,791     | 875,441,732  |
|    | Total   | 1,554,797,477   | 1,818,661,343  |
|    |   |                 | The state of the s |

#### 7. Gain on stock and diluted gain on stock

These items are not presented in the interim (separate) financial statements of Alpha Seven Group Joint Stock Company because this is the parent company, and are described in the consolidated financial statements of the Group under the Clause 3.19, Article 113 of the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22<sup>nd</sup> December 2014 of the Ministry of Finance.

#### 8. Expenses from operating activities by nature

| Details are as follows:                     | Current period | Previous period |
|---|----------------|-----------------|
| - Wage and salary                           | 1,515,024,937  | 1,227,258,300   |
| - Depreciation/Amortization of fixed assets | 1,428,570,792  | 1,454,122,692   |
| - Outsourcing expenses                      | 1,469,231,303  | 1,548,631,617   |
| - Others                                    | 609,364,903    | 1,370,944,265   |
| Total                                       | 5,094,891,975  | 5,695,464,154   |

#### VII. OTHER INFORMATION (Currency: VND)

#### 1. Contingent liabilities

The Company has not incurred contingent liabilities as of the date of this report.

#### 2. Transactions and balances with related parties

# 2a. Transactions and balances with members of key management, individuals related to members of key management

The Company's related parties include: members of key management, individuals related to members of key management and other related parties.

| Members of key management | Relationship     |
|---------------------------|------------------|
| - Mr. Nguyen Dinh Trac    | General Director |
| - Mr. Chu Sy Hoat         | Deputy Director  |
| - Mr. Pham Tien Dung      | Deputy Director  |
| - Ms Ha Thi Phuong Oanh   | Chief Accountant |

Transactions with members of key management, individuals related to members of key management

#### Income of members of key management (the Board of Directors)

| Wage and salary         | Position         | Current period | Previous period |
|-------------------------|------------------|----------------|-----------------|
| - Mr. Nguyen Dinh Trac  | General Director | 90,000,000     | 89,423,077      |
| - Mr. Chu Sy Hoat       | Deputy Director  | 55,095,000     | 65,565,000      |
| - Mr. Pham Tien Dung    | Deputy Director  | 67,140,000     | 66,765,000      |
| - Ms Ha Thi Phuong Oanh | Chief Accountant | 60,000,000     | 59,615,385      |
| Total                   |                  | 272,235,000    | 281,368,462     |

During period, members of the Board of Management and the Supervisory Board have not incurred wage, salary and remuneration at the Company.

cô

CH NI TOÁ

HUÂ

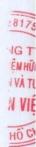
Address: Lot 13-6, Road N2, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim (separate) Financial statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2025

# 2b. Transactions and balances with other related parties The Company's other related parties include:

| Related parties                                   | Relationship   |
|---|--|
| Global Capital Co., Ltd.                          | Major shareholder (occupied to 17.00% of charter capital)                              |
| Mr. Bui Phap                                      | Major shareholder (occupied to 24.01% of charter capital)                              |
| DLG Ansen Electronics Co., Ltd. (DLG Ansen)       | Direct subsidiary (the Company holds 100% of charter capital)                          |
| DLG Ninh Thuan Solar Power JSC                    | Direct subsidiary (the Company holds 50% of charter capital)                           |
| Mass Noble Investments Limited ("Mass Noble")     | Direct subsidiary (the Company holds 97.73% of charter capital)                        |
| Ansen Investment Holdings Limited                 | Indirect subsidiary  |
| Shine Profit Development Limited                  | Indirect subsidiary  |
| Greatrich Industrial Limited                      | Indirect subsidiary  |
| Profit Metal Limited                              | Indirect subsidiary  |
| 東莞橋頭益發燈具有限公司                                      | Indirect subsidiary  |
| 東莞利材塑膠製品有限公司                                      | Indirect subsidiary  |
| 東莞安迅電子有限公司  | Indirect subsidiary  |
| Duc Long Dak Nong BOT and BT JSC ("BOT Dak Nong") | Associated company (the Group holds 29% of charter capital)                            |
| Duc Long Gia Lai Group JSC ("DLG")                | Having the same major shareholder (Bui Phap)   |
| Mr. Nguyen Thanh Lam                              | Legal representative (Director) of DLG Ansen (Appointed on 06 <sup>th</sup> July 2023) |



For the six-month period ended 30th June 2025

#### Transactions with other related parties are as follows:

| Related parties                         | <b>Transactions</b>                            | Current period | Previous period |
|---|--|----------------|-----------------|
| - DLG Ansen Electronics Co., Ltd.       | Revenue from electricity charges               | 592,013,832    | 603,234,318     |
|   | Interest expenses                              | 146,868,299    | •               |
| - DLG Ninh Thuan Solar<br>Power JSC     | Dividends received after the investment period | 49,000,000,000 | -               |
| - Duc Long Dak Nong BOT and BT JSC      | Dividends received after the investment period | 4,350,000,000  | Ī               |
| - Duc Long Gia Lai Group<br>JSC ("DLG") | Car rental revenue                             | 27,272,728     | 27,272,728      |
|   | Kiosks rental                                  | 528,000,000    | 528,000,000     |
|   | Roofs rental                                   | 240,000,000    | 240,000,000     |
| - Mr. Nguyen Thanh Lam                  | Loan principal payment                         | -              | 77,450,000,000  |
|   | Interest expenses                              | -              | 1,052,186,301   |

In addition, the Company has used the Company's properties as collateral for the issuance of third-party bonds (having the same major shareholder) (refer to the Notes No. VII.3).

#### Ending balance with other related parties

Ending balance with other related parties are described in the Notes No. V.3, V.4, V.5, V.8, V.15, V.19.

#### 3. Collateral

Construction of Duc Long Gia Lai bus station expansion at Ly Nam De street, Tra Ba ward, Pleiku city, Gia Lai province (refer to the Notes V.10). This construction has used as collateral for the issuance of third-party bonds (having the same major shareholder) dated 31<sup>st</sup> December 2014. This guarantee has approved by the Board of Management according to the Minutes of the Meeting No. 08/BB-HDQT dated 05<sup>th</sup> December 2014.

According to the Resolution of the Board of Management No. 08/2023/NQ-HĐQT dated 25<sup>th</sup> November 2023, the Company has used all contributed capital in DLG Ansen Electronics Co., Ltd. and Land-use rights at No. 97/2 Nguyen Huu Canh street, ward 22, Binh Thanh district, Ho Chi Minh city to secure payment obligations of DLG Ansen Electronics Co., Ltd. (subsidiary) (refer to the Notes no. V.14).

#### 4. Segment Reporting

#### Segment reporting is presented according to the business field

The Company' main business fields are as follows:

- Bus station services, parking;
- Passenger transportation;
- Power production.



For the six-month period ended 30th June 2025

|   | Revenue from parking services | Revenue from transportation services | Revenue from solar power | Total .        |
|---|-------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|----------------|
| Current period  |                               |                                      |                          |                |
| Net revenues from sale of goods and rendering of services | 7,993,637,174                 | 121,351,238                          | 3,146,072,637            | 11,261,061,049 |
| Cost of goods sold  | 1,492,712,139                 | 171,134,932                          | 1,596,540,244            | 3,260,387,315  |
| Gross profit  | 6,500,925,035                 | (49,783,694)                         | 1,549,532,393            | 8,000,673,734  |
| Previous period   |                               |                                      |                          |                |
| Net revenues from sale of goods and rendering of services | 6,595,500,483                 | 115,277,728                          | 3,056,856,636            | 9,767,634,847  |
| Cost of goods sold  | 2,046,491,706                 | 182,371,389                          | 1,367,798,656            | 3,596,661,751  |
| Gross profit  | 4,549,008,777                 | (67,093,661)                         | 1,689,057,980            | 6,170,973,096  |

#### Segment reporting is presented according to geography

Whole activities of the Company take place only in the territory of Vietnam.

#### 5. Going-concern assumption

As at the date of the interim (separate) financial statements, there is not any factor which affect the going-concern assumption of the Company. Therefore, the interim (separate) financial statements for the sixmonth period ended 30<sup>th</sup> June 2025 are prepared on the basis of the going-concern assumption.

#### 6. Subsequent events

- On 07th August 2025, the Board of Management of the Company issued the Resolution No. 11/2025/NQ-HDQT on approving the implementation of the Plan for the issuance of shares to pay dividends and the Plan to offer additional shares to the public through the method of issuing share purchase rights to existing shareholders.
- On 07<sup>th</sup> August 2025, the Board of Management of the Company issued the Resolution No. 10/2025/NQ-HDQT on approving the transfer of shares at Duc Long Dak Nong BOT and BT Joint Stock Company.
- On 05<sup>th</sup> August 2025, the Board of Management of the Company issued the Resolution No. 09/2025/NQ-HDQT on approving the capital contribution to establish Tay Nguyen Green Energy Joint Stock Company, with contributed capital of VND 90,000,000,000 accounting for 90% of the charter capital of Tay Nguyen Green Energy Joint Stock Company. Tay Nguyen Green Energy Joint Stock Company was granted Business Registration Certificate No. 0319119899 dated 21<sup>st</sup> August 2025 by the Department of Finance of Ho Chi Minh city with the charter capital of VND 100,000,000,000.

Ho Chi Minh city, 29th August 2025.

Prepared by / Chief Accountant

HA THI PHUONG OANH

General Director

CÔNG TY

CÔ PHÂN TẬP ĐOẠN

ALPHA SEVEN

NGUYEN DINH TRAC

